

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc ký Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại công văn số 5321/TTr-BCT ngày 13 tháng 6 năm 2014,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đồng ý nội dung dự thảo Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN - Ấn Độ.

**Điều 2.** Ủy quyền Bộ trưởng Bộ Công Thương thay mặt Chính phủ Việt Nam ký Hiệp định trên.

**Điều 3.** Bộ Công Thương thực hiện thủ tục trình Chính phủ phê duyệt Hiệp định sau khi ký.

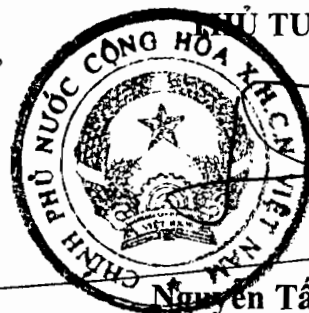
**Điều 4.** Bộ Ngoại giao thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định./

**Nơi nhận:**

- Các đồng chí thành viên Chính phủ;
- Các Bộ: Ngoại giao, Tư pháp, GDĐT, KHĐT, CT, VH-TTDL, GTVT, Công an, NNPTNT, KHCN, Xây dựng, Tài chính, LĐTBXH, TTTT, Y tế, TNMT, NHNNVN (kèm Hiệp định);
- VPCP: các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: PL, KTTH, TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, QHQT(2).đh. *bol*

**TM. CHÍNH PHỦ**

**HỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Tấn Dũng**



## HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRONG KHUÔN KHỔ HIỆP ĐỊNH KHUNG VỀ HỢP TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN GIỮA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN) VÀ CỘNG HÒA AN ĐỘ

### LỜI MỞ ĐẦU

Chính phủ Bru-nây Đa-ru-sa-lam (Bru-nây Đa-ru-sa-lam), Vương quốc Cam-pu-chia (Cam-pu-chia), Cộng hòa In-đô-nê-xia (In-đô-nê-xia), Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào (Lào), Ma-lay-xia, Liên bang cộng hòa My-an-ma (My-an-ma), Cộng hoà Phi-lip-pin (Phi-lip-pin), Cộng hoà Sing-ga-po (Sing-ga-po), Vương quốc Thái Lan (Thái Lan), và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Việt Nam) là Thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (gọi chung là “ASEAN” hay là “các quốc gia thành viên ASEAN”, gọi riêng là “quốc gia thành viên ASEAN”), và Cộng hoà Ấn Độ (Ấn Độ);

**NHẮC LẠI** Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Cộng hoà Ấn Độ (“Hiệp định khung”) được các Nhà Lãnh đạo các quốc gia thành viên ASEAN và Ấn Độ ký kết tại Bali, In-đô-nê-xia vào ngày 08 tháng 10 năm 2003 và Nghị định thư sửa đổi Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Cộng hoà Ấn Độ được ký kết tại Bangkok, Thái Lan vào ngày 13 tháng 08 năm 2009;

**NHẮC LẠI** Điều 4 của Hiệp định khung yêu cầu ASEAN và Ấn Độ tự do hoá dần và loại bỏ cơ bản tất cả các biện pháp phân biệt đối xử và/hoặc cấm các biện pháp phân biệt đối xử mới liên quan đến thương mại dịch vụ giữa các Bên, và để mở rộng phạm vi và mức độ thương mại dịch vụ với diện bao phủ cao hơn đáng kể so với cam kết của các Bên trong Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO);

**NỖ LỰC** để tăng cường hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ giữa các Bên nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, cũng như đa dạng hoá nguồn cung ứng và phân phối dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ tương ứng của các Bên, để thực hiện đúng khung thời gian đã được các Bên tham gia Hiệp định khung thống nhất;

**NHẮC LẠI** chỉ đạo của Hội nghị tham vấn các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) và Ấn Độ diễn ra vào ngày 28 tháng 8 năm 2008 tại Sing-ga-po rằng các quan chức phải bắt đầu càng sớm càng tốt việc đàm phán cả gói về thương mại dịch vụ và đầu tư, hướng tới hoàn tất cơ bản hai Hiệp định trên vào năm 2009 để xây dựng hoàn chỉnh Hiệp định Hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Ấn Độ;

**KHẲNG ĐỊNH LẠI** Điều 2 của Hiệp định khung quy định việc đối xử đặc biệt và khác biệt đối với Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma, và Việt Nam; và điều khoản

linh hoạt đối với các Bên để giải quyết những vấn đề nhạy cảm thông qua đàm phán và đồng thuận dựa trên nguyên tắc có đi có lại và mang lại lợi ích chung;

**THỪA NHẬN** quyền của các Bên trong việc quản lý và đặt ra các quy định mới đối với việc cung cấp dịch vụ trong lãnh thổ của mình để đạt được các mục tiêu chính sách quốc gia và nhu cầu cụ thể của mỗi Bên trong việc thực hiện quyền này, xét đến sự bất đối xứng hiện tại về trình độ phát triển quản lý dịch vụ của các Bên;

**ĐÃ NHẤT TRÍ NHƯ SAU:**

## **CHƯƠNG I: PHẠM VI VÀ ĐỊNH NGHĨA**

### **ĐIỀU 1**

#### **Phạm vi**

1. Hiệp định này áp dụng đối với các biện pháp của các Bên ảnh hưởng tới thương mại dịch vụ.
2. Hiệp định này sẽ không áp dụng với:
  - (a) các dịch vụ được cung cấp thuộc thẩm quyền của chính phủ trên lãnh thổ của các Bên;
  - (b) luật, quy định hoặc yêu cầu điều chỉnh việc mua sắm của các cơ quan chính phủ về các dịch vụ phục vụ cho hoạt động của chính phủ và không nhằm mục đích bán lại hoặc dùng cho việc cung cấp các dịch vụ mang tính thương mại; và
  - (c) dịch vụ vận tải biển nội địa.

### **ĐIỀU 2**

#### **Định nghĩa**

Vi mục đích của Hiệp định này:

- (a) **dịch vụ được cung cấp thuộc thẩm quyền của chính phủ** là bất kỳ dịch vụ nào được cung cấp không trên cơ sở thương mại, hay cạnh tranh với một hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ;
- (b) **hiện diện thương mại** là bất kỳ loại hình tổ chức kinh doanh hay tổ chức nghề nghiệp nào, bao gồm các hoạt động:
  - (i) thành lập, mua lại hay duy trì một pháp nhân, hoặc
  - (ii) thành lập hay duy trì một chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, trên phạm vi lãnh thổ của một Bên cho mục đích cung cấp dịch vụ;
- (c) **thuế trực thu** bao gồm mọi loại thuế đánh vào tổng doanh thu, tổng vốn hoặc các phần doanh thu hoặc phần vốn, bao gồm thuế đánh vào thu nhập từ việc bán tài sản, thuế đánh vào bất động sản, thừa kế và quà biếu, thuế đánh vào tổng tiền công, tiền lương do doanh nghiệp trả, cũng như thuế đánh vào gia tăng trị giá vốn;

- (d) **GATS** là Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ;
- (e) **pháp nhân** là bất kỳ thực thể pháp lý nào được thành lập hay tổ chức một cách hợp pháp theo pháp luật, dù là hoạt động vì lợi nhuận hay không, và thuộc sở hữu tư nhân hay sở hữu nhà nước, bao gồm công ty, công ty tín thác, hợp danh, liên doanh, doanh nghiệp một chủ hay hiệp hội;
- (f) **pháp nhân của một Bên khác** là pháp nhân hoặc:
  - (i) được thành lập hay tổ chức theo luật pháp của Bên khác đó, và có hoạt động kinh doanh đáng kể trên lãnh thổ của Bên đó hoặc bất kỳ Bên nào khác; hoặc
  - (ii) trong trường hợp cung cấp dịch vụ thông qua hiện diện thương mại, được sở hữu hoặc kiểm soát bởi:
    - (AA) thể nhân của Bên đó; hoặc
    - (BB) pháp nhân của Bên khác được xác định theo điểm (i);
- (g) **pháp nhân**:
  - (i) “sở hữu” bởi thể nhân / pháp nhân của một Bên, nếu trên 50% lợi ích cổ phần của pháp nhân đó thuộc sở hữu của thể nhân / pháp nhân của Bên đó;
  - (ii) “kiểm soát” bởi thể nhân / pháp nhân của một Bên nếu các thể nhân / pháp nhân này có quyền chỉ định đa số thành viên của ban giám đốc hoặc điều hành trực tiếp hoạt động của pháp nhân một cách hợp pháp;
  - (iii) “liên kết” với thể nhân / pháp nhân khác nếu pháp nhân điều hành, hoặc chịu sự điều hành bởi thể nhân / pháp nhân khác đó, hoặc khi pháp nhân và các thể nhân / pháp nhân khác cùng chịu sự kiểm soát của một thể nhân / pháp nhân;
- (h) **thủ tục cấp phép** là các thủ tục hành chính hoặc quy trình mà thể nhân hoặc pháp nhân tìm kiếm quyền cung cấp dịch vụ, kể cả việc sửa đổi hoặc gia hạn quyền này phải thực hiện để chứng tỏ sự phù hợp với các yêu cầu cấp phép;
- (i) **yêu cầu cấp phép** là các yêu cầu thực chất, không phải là các yêu cầu về trình độ, mà thể nhân hoặc pháp nhân phải đáp ứng để được cấp, sửa đổi hoặc gia hạn quyền cung cấp dịch vụ;
- (j) **biện pháp** là bất kỳ một biện pháp nào của một Bên dưới hình thức luật, quy định, quy tắc, quy trình, quyết định, hành động hành chính hoặc bất kỳ hình thức nào khác;
- (k) **biện pháp của các Bên** là các biện pháp được áp dụng bởi:
  - (i) chính quyền trung ương, khu vực hoặc địa phương, cơ quan có thẩm quyền; và



- (ii) các cơ quan phi chính phủ trong việc thực thi quyền hạn được chính quyền trung ương, khu vực hoặc địa phương và cơ quan có thẩm quyền giao.

Để thực thi các nghĩa vụ và cam kết trong khuôn khổ Hiệp định này, mỗi Bên phải áp dụng các biện pháp hợp lý có thể để đảm bảo sự tuân thủ bởi cơ quan chính phủ trung ương, địa phương, cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan phi chính phủ trong lãnh thổ của mình;

- (l) **các biện pháp của các Bên tác động đến thương mại dịch vụ** bao gồm các biện pháp đối với:
  - (i) việc mua, thanh toán hay sử dụng dịch vụ;
  - (ii) sự tiếp cận hay sử dụng các dịch vụ gắn liền với việc cung cấp dịch vụ được các Bên yêu cầu phải đưa ra phục vụ công chúng một cách phổ biến;
  - (iii) sự hiện diện, bao gồm cả hiện diện thương mại, của thể nhân / pháp nhân của một Bên để cung cấp dịch vụ trên lãnh thổ của một Bên khác;
- (m) **nhà cung cấp dịch vụ độc quyền** là bất kỳ thể nhân / pháp nhân nào, thuộc khu vực công hay tư nhân, được một Bên cho phép, hay được thành lập một cách chính thức hay trên thực tế là nhà cung cấp duy nhất dịch vụ trong phạm vi thị trường tương ứng của lãnh thổ của Bên này;
- (n) **thể nhân của một Bên khác** là thể nhân cư trú trên lãnh thổ của Bên khác đó hoặc bất kỳ nơi nào khác, mà theo luật pháp của Bên khác đó:
  - (i) là công dân của Bên khác đó; hoặc
  - (ii) có quyền thường trú<sup>1</sup> trên lãnh thổ Bên khác đó trong trường hợp một Bên dành sự đối xử cho người thường trú gần như tương đương đối xử với công dân của mình về các biện pháp có tác động đến thương mại dịch vụ, như thông báo sau khi Hiệp định này có hiệu lực, miễn là không một Bên nào bị buộc phải dành cho người thường trú sự đối xử ưu đãi hơn sự đối xử được Bên khác dành cho người thường trú. Đối với người thường trú, thông báo phải bao gồm sự đảm nhận trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo luật pháp và

---

<sup>1</sup> Trong trường hợp của Cam-pu-chia, In-đô-nê-xia, Lào, My-an-ma, Thái Lan, Việt Nam và Ấn Độ, thể nhân của một Bên khác giới hạn là thể nhân cư trú trên lãnh thổ của Bên khác đó hoặc cư trú ở bất kỳ nơi nào khác và theo luật pháp của Bên khác đó là công dân của Bên khác đó. Vì vậy, trên nguyên tắc có đi có lại, những lợi ích của Hiệp định này sẽ không được áp dụng đối với người thường trú của Cam-pu-chia, In-đô-nê-xia, Lào, My-an-ma, Thái Lan, Việt Nam và Ấn Độ. Một khi bất kỳ Bên nào trong các Bên này ban hành luật trong nước về đối xử đối với người thường trú của Bên khác hoặc của một nước không tham gia Hiệp định thì Bên đó phải cho phép đàm phán về vấn đề cho phép người thường trú vào phạm vi điều chỉnh về thể nhân theo Hiệp định này.

quy định của mình như trách nhiệm của các Bên khác đối với công dân của họ.

- (o) **các Bên** bao gồm các quốc gia thành viên ASEAN và Ấn Độ;
- (p) **Bên** là một quốc gia thành viên ASEAN hoặc Ấn Độ;
- (q) **người** là pháp nhân / thể nhân;
- (r) **thủ tục về trình độ** là các thủ tục hành chính hoặc quy trình mà một thể nhân phải tuân theo để chứng tỏ đáp ứng các yêu cầu về trình độ để được cấp phép cung cấp dịch vụ;
- (s) **yêu cầu về trình độ** là các yêu cầu thực chất liên quan đến năng lực của một thể nhân để cung cấp dịch vụ và phải chứng tỏ đáp ứng để được cấp phép cung cấp dịch vụ.
- (t) **ngành dịch vụ** là
  - (i) một hoặc nhiều hoặc tất cả các phân ngành của ngành dịch vụ có liên quan đến một cam kết cụ thể trong Biểu cam kết của một Bên,
  - (ii) hoặc toàn bộ ngành dịch vụ đó, bao gồm tất cả các phân ngành;
- (u) **dịch vụ** gồm bất cứ dịch vụ nào trong bất cứ ngành nào trừ các dịch vụ cung cấp thuộc thẩm quyền của chính phủ;
- (v) **người tiêu dùng dịch vụ** là bất kỳ người nào nhận hoặc sử dụng dịch vụ;
- (w) **dịch vụ của một Bên khác** là dịch vụ được cung cấp
  - (i) từ hoặc trên lãnh thổ của Bên khác, hoặc trong trường hợp dịch vụ vận tải biển, do một con tàu được đăng ký theo luật pháp của Bên khác đó, hoặc do một người của Bên khác cung cấp dịch vụ thông qua hoạt động của một con tàu và/hoặc sử dụng toàn bộ hay một phần con tàu đó; hoặc,
  - (ii) bởi một nhà cung cấp dịch vụ thuộc Bên khác, trong trường hợp cung cấp dịch vụ thông qua hiện diện thương mại hoặc sự hiện diện thể nhân;
- (x) **nhà cung cấp dịch vụ** là bất kỳ người nào cung cấp dịch vụ<sup>2</sup>;
- (y) **cung cấp dịch vụ** bao gồm việc sản xuất, phân phối, tiếp thị, bán và giao dịch dịch vụ;

<sup>2</sup> Khi dịch vụ không được cung cấp trực tiếp bởi một pháp nhân mà thông qua các hình thức hiện diện thương mại khác, chẳng hạn như chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, người cung cấp dịch vụ (là pháp nhân) vẫn nhận được đối xử dành cho người cung cấp dịch vụ theo Hiệp định này. Đối xử này sẽ được dành cho hình thức hiện diện thông qua đó dịch vụ được cung cấp và không cần thiết phải dành cho bất kỳ phần nào khác của nhà cung cấp đặt ngoài lãnh thổ mà ở đó dịch vụ được cung cấp.

- (z) **tiêu chuẩn kỹ thuật** là các biện pháp đặt ra các tiêu chí của dịch vụ hoặc cách thức cung cấp dịch vụ. Tiêu chuẩn kỹ thuật cũng bao gồm các thủ tục liên quan đến việc thực thi tiêu chuẩn;
- (aa) **thương mại dịch vụ** được định nghĩa là việc cung cấp dịch vụ:
- (i) từ lãnh thổ của một Bên sang lãnh thổ của bất kỳ một Bên nào khác ("qua biên giới");
  - (ii) trên lãnh thổ của một Bên cho người tiêu dùng dịch vụ của bất kỳ Bên nào khác ("tiêu dùng ở nước ngoài");
  - (ii) bởi một nhà cung cấp dịch vụ của một Bên, thông qua sự hiện diện thương mại trên lãnh thổ của bất kỳ Bên nào khác ("hiện diện thương mại");
  - (iv) bởi một nhà cung cấp dịch vụ của một Bên thông qua sự hiện diện thể nhân trên lãnh thổ của bất kỳ Bên nào khác ("hiện diện thể nhân").

## CHƯƠNG II: CÁC NGHĨA VỤ VÀ NGUYÊN TẮC

### ĐIỀU 3

#### Minh bạch hoá

1. Mỗi Bên phải công bố nhanh chóng, ngoại trừ trong các trường hợp khẩn cấp, tất cả các biện pháp có tính chất áp dụng chung liên quan hoặc ảnh hưởng đến Hiệp định này chậm nhất là vào thời điểm có hiệu lực của các biện pháp này. Các hiệp định quốc tế liên quan hoặc ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ mà một Bên tham gia ký kết cũng phải được công bố.
2. Nếu việc công bố nêu tại đoạn 1 không khả thi, thông tin này phải được công bố ra công chúng bằng cách khác.
3. Mỗi Bên phải trả lời nhanh chóng mọi yêu cầu bởi các Bên khác về thông tin cụ thể đối với các biện pháp có tính chất áp dụng chung hoặc các hiệp định quốc tế nêu trong đoạn 1 của Điều này. Mỗi Bên cũng sẽ phải thành lập một hoặc nhiều điểm hỏi đáp để cung cấp thông tin cụ thể cho các Bên khác khi được yêu cầu về tất cả các vấn đề này.

### ĐIỀU 4

#### Tiết lộ thông tin bí mật

Điều III *bis* của GATS, với sửa đổi hợp lý, sẽ được đưa vào Hiệp định và là phần không tách rời của Hiệp định

### ĐIỀU 5

#### Quy định trong nước

1. Trong các ngành dịch vụ có cam kết cụ thể theo Phần III của Hiệp định này, mỗi Bên phải đảm bảo rằng tất cả các biện pháp có tính chất áp dụng chung



tác động đến thương mại dịch vụ được quản lý một cách hợp lý, khách quan và bình đẳng.

2. (a) Ngay khi có thể, mỗi Bên phải duy trì hoặc thành lập các tòa án tư pháp, trọng tài hoặc tòa án hành chính hoặc thủ tục để xem xét nhanh chóng và đưa ra các biện pháp khắc phục thích hợp đối với các quyết định hành chính có tác động đến thương mại dịch vụ, theo yêu cầu của nhà cung cấp dịch vụ bị tác động. Trường hợp các thủ tục này không độc lập với cơ quan có thẩm quyền đưa ra quyết định hành chính có liên quan, Bên đó phải đảm bảo rằng, các thủ tục này trên thực tế được xem xét một cách khách quan và bình đẳng.
  - (b) Các quy định của đoạn 2(a) của Điều này sẽ không được hiểu là yêu cầu một Bên phải thiết lập cơ cấu hoặc thủ tục không phù hợp với thể chế hay bản chất hệ thống pháp luật của mình, Tuy nhiên, trong trường hợp các tòa án hay thủ tục không thể thiết lập, Bên có liên quan phải bảo đảm có các biện pháp hỗ trợ kịp thời dành cho các nhà cung cấp dịch vụ bị ảnh hưởng liên quan đến đoạn 2(a) của Điều này thông qua cơ chế tư pháp hoặc bán tư pháp của Bên đó<sup>3</sup>.
3. Trường hợp phải được cấp phép cung cấp một dịch vụ có cam kết cụ thể trong khuôn khổ của Hiệp định này, cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên sẽ:
- (a) thông báo kết quả tới bên nộp hồ sơ trong một khoảng thời gian hợp lý sau khi nộp hồ sơ được coi là hoàn thiện theo luật và quy định trong nước;
  - (b) cung cấp không chậm trễ các thông tin có liên quan đến tình trạng của hồ sơ theo yêu cầu của người nộp hồ sơ, kể cả về hồ sơ chưa hoàn chỉnh. Trong trường hợp hồ sơ chưa hoàn chỉnh, phải chỉ rõ các thông tin cần thiết phải bổ sung để hoàn chỉnh hồ sơ và tạo cơ hội cho bên nộp hồ sơ bổ sung các nội dung còn thiếu trong một khoảng thời gian hợp lý;
  - (c) nếu hồ sơ bị đình chỉ hoặc từ chối, trong phạm vi tối đa có thể, phải thông báo cho người nộp hồ sơ bằng văn bản không chậm trễ về nguyên nhân của việc đình chỉ hoặc từ chối. Người nộp hồ sơ có cơ hội nộp lại hồ sơ mới theo sự suy xét của mình.
4. Nhằm đảm bảo rằng các biện pháp liên quan tới yêu cầu trình độ, thủ tục, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu cấp phép không tạo thành những trở ngại không cần thiết cho thương mại dịch vụ, các Bên sẽ cùng nhau xem xét kết quả đàm phán về quy định đối với các biện pháp này theo Điều VI.4 GATS, nhằm đưa các kết quả này vào Hiệp định. Các bên ghi nhận rằng việc đàm phán nhằm đảm bảo rằng các yêu cầu này, *trong số các mục tiêu khác*:

<sup>3</sup> Nhằm làm rõ, việc áp dụng quy định tại đoạn này sẽ được điều chỉnh bởi luật và quy định của từng Bên.



- (a) dựa trên tiêu chí khách quan và minh bạch, như năng lực và khả năng cung cấp dịch vụ;
  - (b) không phiền hà hơn mức cần thiết để bảo đảm chất lượng dịch vụ;
  - (c) trong trường hợp thủ tục cấp phép, các thủ tục cấp phép không phải là hạn chế đối với việc cung cấp dịch vụ.
5. (a) Trong các ngành dịch vụ mà một Bên đã có cam kết cụ thể theo Phần III của Hiệp định, trong khi chờ áp dụng các quy định nêu tại đoạn 4 của Điều này, Bên đó không được áp dụng các yêu cầu về cấp phép, trình độ và tiêu chuẩn kỹ thuật làm vô hiệu hóa hoặc giảm nhẹ nghĩa vụ của mình trong Hiệp định này theo cách thức:
- (i) không phù hợp với các tiêu chí nêu ra tại khoản 4(a), (b) hoặc (c) của Điều này; và
  - (ii) Bên đó đã không có ý định hợp lý áp dụng các biện pháp này tại thời điểm các cam kết cụ thể trong các ngành đó được đưa ra.
- (b) Khi xác định liệu một Bên có tuân thủ các nghĩa vụ tại Đoạn 5(a) của Điều này, cần tính đến các tiêu chuẩn quốc tế của các tổ chức quốc tế liên quan<sup>4</sup> được Bên đó áp dụng.
6. Trong những ngành có cam kết cụ thể liên quan đến dịch vụ chuyên môn nghề nghiệp, mỗi Bên phải quy định đầy đủ các thủ tục để kiểm tra năng lực chuyên môn của nhà cung cấp dịch vụ chuyên môn của các Bên khác phù hợp với đoạn 5 của Điều này.

## ĐIỀU 6

### Công nhận

1. Nhằm mục đích thực hiện các tiêu chuẩn hoặc tiêu chí tương ứng của các Bên đối với việc phê duyệt, cấp phép hoặc chứng nhận của những nhà cung cấp dịch vụ, mỗi Bên có thể công nhận trình độ học vấn, kinh nghiệm, các yêu cầu, giấy phép hoặc chứng chỉ do một Bên khác cấp. Việc công nhận này có thể đạt được thông qua một quá trình hài hòa hóa hoặc dựa trên một hiệp định hoặc thỏa thuận giữa các Bên hoặc các cơ quan có thẩm quyền hoặc mặc nhiên cho hưởng.
2. Một Bên tham gia một hiệp định hoặc thỏa thuận được nêu tại đoạn 1 của Điều này, bất kể hiệp định hoặc thỏa thuận đó đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai, phải tạo cơ hội đầy đủ cho những Bên quan tâm được đàm phán gia nhập hiệp định, thỏa thuận đó hoặc được đàm phán thỏa thuận tương đương. Nếu một Bên mặc nhiên cho hưởng sự công nhận, Bên đó phải tạo cơ hội thích hợp cho bất kỳ Bên nào khác chứng minh rằng trình độ học vấn, kinh

<sup>4</sup> Thuật ngữ “các tổ chức quốc tế liên quan” có nghĩa là các tổ chức quốc tế mà việc kết nạp thành viên được mở rộng cho các cơ quan hữu quan của tất cả các Bên trong Hiệp định này.

nghiệm, giấy phép, chứng chỉ hoặc các yêu cầu được đáp ứng trên lãnh thổ của Bên khác đó cũng có thể được công nhận.

3. Khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của một Bên đối với một Bên khác, các Bên sẽ khuyến khích các cơ quan chuyên môn hay cơ quan quản lý chuyên môn tương ứng trong bất kỳ ngành dịch vụ nào có lợi ích chung đàm phán và hoàn tất đàm phán trong vòng 12 tháng hoặc một khung thời gian hợp lý để đạt được sự nhất trí chung về thoả thuận công nhận lẫn nhau về giáo dục, kinh nghiệm, việc đáp ứng yêu cầu, cấp phép hoặc chứng nhận với nỗ lực đạt được kết quả sớm. Mọi sự trì hoãn hay không đạt được thoả thuận bởi những cơ quan chuyên môn sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ của mỗi Bên liên quan đến đoạn này và sẽ không thuộc phạm vi quản lý của Hiệp định khung về cơ chế giải quyết tranh chấp (Hiệp định ASEAN - Ấn Độ về cơ chế giải quyết tranh chấp). Những kết quả đạt được sẽ được các Bên xem xét trong quá trình rà soát của Hiệp định này theo Điều 27 (Rà soát).

4. Trường hợp không có các thoả thuận hay hiệp định hài hòa hóa nêu tại đoạn 1, 2 và 3 của Điều này, mỗi Bên giao các cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan quản lý chuyên môn trong lãnh thổ của mình xem xét thoả thuận công nhận lẫn nhau hoặc cấp phép phù hợp với luật và quy định trong nước.

5. Một Bên sẽ không cho hưởng sự công nhận theo cách tạo ra phân biệt đối xử giữa các nước hoặc hạn chế trá hình đối với thương mại dịch vụ khi áp dụng các tiêu chuẩn, tiêu thức để cấp phép hoặc chứng nhận nhà cung cấp dịch vụ.

6. Các Bên thống nhất sẽ không chịu trách nhiệm dưới bất kỳ hình thức nào đối với việc giải quyết tranh chấp phát sinh về các hiệp định hoặc các thoả thuận công nhận lẫn nhau của các cơ quan chuyên môn hoặc các cơ quan quản lý chuyên môn theo Điều này và các điều khoản của Hiệp định ASEAN - Ấn Độ về Cơ chế giải quyết tranh chấp sẽ không áp dụng với các tranh chấp phát sinh liên quan đến các điều khoản của thoả thuận hoặc hiệp định.

## ĐIỀU 7

### **Nhà cung cấp dịch vụ độc quyền và độc quyền**

1. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng bất kỳ nhà cung cấp một dịch vụ độc quyền nào trên lãnh thổ của mình, khi cung cấp dịch vụ độc quyền trên thị trường liên quan không hành động trái với các nghĩa vụ của Bên đó theo các cam kết cụ thể.

2. Nếu một nhà cung cấp dịch vụ độc quyền của một Bên cạnh tranh, trực tiếp hoặc thông qua các công ty trực thuộc, khi cung cấp dịch vụ nằm ngoài phạm vi độc quyền của mình và thuộc các cam kết cụ thể, Bên đó sẽ bảo đảm rằng nhà cung cấp dịch vụ sẽ không lạm dụng vị trí độc quyền của họ để thực hiện các hành vi trên lãnh thổ của mình trái với các cam kết đó.

3. Nếu một Bên có lý do để tin rằng một nhà cung cấp dịch vụ độc quyền của bất kỳ một Bên nào khác đang hành động không phù hợp với quy định tại đoạn 1 và 2 của Điều này, Bên đó có thể yêu cầu Bên đã thành lập, duy trì hoặc

cho phép nhà cung cấp dịch vụ này thông báo những thông tin cụ thể về các hoạt động liên quan.

4. Các quy định của Điều này cũng được áp dụng đối với các trường hợp của nhà cung cấp dịch vụ độc quyền, trong trường hợp một Bên, chính thức hoặc thực tế,

- (a) cho phép hoặc thiết lập một số lượng nhỏ các nhà cung cấp dịch vụ và
- (b) hạn chế đáng kể cạnh tranh giữa những nhà cung cấp đó trên lãnh thổ của mình.

## **ĐIỀU 8**

### **Thông lệ kinh doanh**

1. Các Bên công nhận rằng những thông lệ kinh doanh nhất định của các nhà cung cấp dịch vụ, ngoài những thông lệ thuộc Điều 7, có thể hạn chế cạnh tranh và do đó hạn chế thương mại dịch vụ.

2. Mỗi Bên sẽ tiến hành tham vấn nhằm xóa bỏ các thông lệ nêu trong đoạn 1 của Điều này theo yêu cầu của Bên khác. Bên nhận được yêu cầu sẽ xem xét đầy đủ và cảm thông đối với yêu cầu đó và sẽ hợp tác bằng cách cung cấp các thông tin không bí mật được công bố rộng rãi có liên quan đến vấn đề nêu ra. Bên được yêu cầu sẽ cung cấp các thông tin khác sẵn có cho Bên yêu cầu, căn cứ theo pháp luật trong nước và theo thỏa thuận thỏa đáng về việc Bên yêu cầu phải đảm bảo tính bảo mật của thông tin đó.

## **ĐIỀU 9**

### **Tự vệ**

1. Các Bên ghi nhận các vòng đàm phán đa phương theo Điều X GATS về biện pháp tự vệ khẩn cấp dựa trên nguyên tắc không phân biệt đối xử. Ngay khi kết thúc các vòng đàm phán đa phương này, các Bên sẽ tiến hành rà soát nhằm thảo luận về các sửa đổi phù hợp cho Hiệp định này để đưa các kết quả đàm phán vào nội dung Hiệp định. Cho tới khi đó, không Bên nào được phép tiến hành các hành động tự vệ đối với dịch vụ và người cung cấp dịch vụ của Bên hoặc các Bên khác, ngoại trừ phù hợp với thủ tục tại đoạn 2 của Điều này.

2. Trong trường hợp việc thực thi hiệp định này gây ra tác động tiêu cực nghiêm trọng đến một ngành dịch vụ của một Bên trước khi kết thúc các vòng đàm phán đa phương đề cập trong đoạn 1 của Điều này, Bên bị ảnh hưởng có thể yêu cầu tiến hành tham vấn với Bên hoặc các Bên khác nhằm thảo luận về bất cứ biện pháp nào đối với ngành dịch vụ bị ảnh hưởng. Bất cứ biện pháp được thực hiện theo đoạn này phải được sự nhất trí của các Bên liên quan. Các bên liên quan sẽ xem xét tới tình huống cụ thể trong từng trường hợp và cân nhắc một cách cảm thông đối với Bên đang tìm kiếm áp dụng biện pháp này.



**ĐIỀU 10****Thanh toán và chuyển tiền**

1. Trừ các trường hợp tại Điều 11, một Bên không được áp dụng hạn chế đối với chuyển tiền và thanh toán quốc tế cho các giao dịch vãng lai liên quan tới các cam kết cụ thể.
2. Các quy định của Hiệp định này không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của một Bên là thành viên của Quỹ Tiền tệ quốc tế theo Điều lệ của Quỹ, bao gồm các hoạt động ngoại hối phù hợp với Điều lệ của Quỹ, với điều kiện một Bên không hạn chế đối với các giao dịch vốn không phù hợp với các cam kết cụ thể liên quan đến giao dịch này, trừ trường hợp được quy định tại Điều 11 (Hạn chế để bảo vệ cán cân thanh toán) hoặc theo yêu cầu của Quỹ.

**ĐIỀU 11****Hạn chế để bảo vệ cán cân thanh toán**

Khi một Bên ở trong tình trạng khó khăn nghiêm trọng về cán cân thanh toán và tài chính đối ngoại hoặc bị đe dọa, Bên đó có thể áp dụng hoặc duy trì các hạn chế về thương mại dịch vụ phù hợp với đoạn 1, 2 và 3 Điều XII GATS.

**ĐIỀU 12****Các ngoại lệ chung**

Phù hợp với yêu cầu về việc không áp dụng các biện pháp này theo cách có thể tạo ra sự phân biệt đối xử tùy tiện và thiếu cơ sở giữa các Bên trong các trường hợp tương tự, hoặc trở thành một hạn chế trá hình trong thương mại dịch vụ, không có quy định nào của Hiệp định này ngăn cản các Bên thông qua hoặc thực thi các biện pháp:

- (a) cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng hoặc duy trì trật tự công cộng<sup>5</sup>;
- (b) cần thiết để bảo vệ cuộc sống và sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật;
- (c) cần thiết để đảm bảo việc tuân thủ luật pháp hoặc quy định không trái với các quy định của Hiệp định này, bao gồm cả các quy định liên quan đến:
  - (i) ngăn ngừa các hành vi lừa đảo và gian lận hoặc để giải quyết hậu quả của việc không thanh toán hợp đồng dịch vụ;
  - (ii) bảo vệ bí mật đời tư cá nhân trong việc xử lý hoặc phổ biến những thông tin cá nhân và đảm bảo tính bảo mật lý lịch hoặc tài khoản của cá nhân;

<sup>5</sup> Ngoại lệ về trật tự công cộng chỉ có thể được viện dẫn khi có sự đe dọa thực sự và đủ nghiêm trọng đối với một trong những lợi ích cơ bản của xã hội.



- (iii) an toàn;
- (d) không phù hợp với Điều 18, miễn là sự đãi ngộ khác biệt như vậy nhằm đảm bảo thực hiện đánh thuế hoặc thu thuế trực thu một cách công bằng hoặc hiệu quả<sup>6</sup> đối với dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ của các Bên khác;
- (e) có sự khác biệt về đối xử miễn là sự khác biệt này là kết quả của một của một hiệp định về tránh đánh thuế hai lần hoặc các quy định của bất kỳ hiệp định hoặc thỏa thuận quốc tế nào về tránh đánh thuế hai lần có giá trị ràng buộc đối với Bên đó.

### ĐIỀU 13

#### Các ngoại lệ vì lý do an ninh

1. Không có quy định nào của Hiệp định này được hiểu là:
  - (a) yêu cầu bất kỳ Bên nào cung cấp thông tin mà việc tiết lộ thông tin đó được coi là trái với các lợi ích an ninh thiết yếu của mình; hoặc,
  - (b) ngăn cản bất kỳ Bên nào thực hiện bất kỳ hành động nào được coi là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của mình, bao gồm nhưng không hạn chế ở:
    - (i) hành động liên quan tới việc tách hoặc làm giàu vật liệu hạt nhân hoặc những vật liệu có chứa hạt nhân;
    - (ii) hành động liên quan tới việc vận chuyển vũ khí, quân dụng và tiến hành chiến tranh và vận chuyển trực tiếp hoặc gián tiếp các hàng hóa và nguyên liệu khác nhằm mục đích cung cấp cho một cơ sở quân sự;
    - (iii) hành động bảo vệ các cơ sở hạ tầng thông tin thiết yếu chống lại các âm mưu nhằm vô hiệu hóa hoặc làm xuống cấp những cơ sở hạ tầng đó;

<sup>6</sup> Các biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện đánh thuế hoặc thu thuế trực thu một cách công bằng hoặc hiệu quả bao gồm các biện pháp được một Bên áp dụng theo hệ thống thuế của mình:

- (i) áp dụng cho các nhà cung cấp dịch vụ không thường trú trên cơ sở các quy định về nghĩa vụ thuế đối với người thường trú theo các khoản phải chịu thuế có nguồn gốc hoặc phát sinh trên lãnh thổ của một Bên; hoặc
- (ii) áp dụng cho người không thường trú nhằm đảm bảo thực hiện đánh thuế hoặc thu thuế trên lãnh thổ của một Bên;
- (iii) áp dụng cho người không thường trú hoặc thường trú nhằm tránh trốn thuế hoặc thất thu thuế, bao gồm các biện pháp hành chính; hoặc
- (iv) áp dụng đối với người tiêu dùng các dịch vụ được cung cấp tại hoặc từ lãnh thổ của một Bên khác nhằm đảm bảo thực hiện đánh thuế hoặc thu thuế đối với người tiêu dùng phát sinh trên lãnh thổ của một Bên.
- (v) phân biệt các nhà cung cấp dịch vụ theo mức thuế đối với các khoản phải chịu thuế toàn cầu từ các nhà cung cấp dịch vụ khác trên cơ sở sự khác biệt giữa cơ sở đánh thuế giữa họ;
- (vi) quyết định, áp thuế hoặc phân cấp mức thu nhập, lợi nhuận, doanh thu, lỗ, giảm trừ hoặc khoản vay của người thường trú hoặc chi nhánh, hoặc giữa những người liên quan hoặc chi nhánh của cùng một người, nhằm đảm bảo cơ sở đánh thuế của một Bên.

Các khái niệm hoặc quy định thuế trong mục (d) của Điều này và tại chú thích phải tuân theo các khái niệm và định nghĩa về thuế hoặc các khái niệm và định nghĩa tương tự của pháp luật trong nước của Bên áp dụng các biện pháp này.

- (iv) hành động thực hiện trong thời kỳ chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp khác trong quan hệ quốc tế;
  - (c) ngăn cản bất kỳ Bên nào áp dụng hành động phù hợp với các nghĩa vụ theo Hiến chương Liên Hợp Quốc về gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế.
2. Mỗi Bên sẽ thông báo với các Bên còn lại ở mức độ cố gắng nhất có thể về những biện pháp được áp dụng theo đoạn 1(b) và 1(c) của Điều này, cũng như việc ngừng áp dụng các biện pháp này.
3. Không có quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là sẽ yêu cầu một Bên dành những quyền lợi của Hiệp định cho bên cung cấp dịch vụ của một Bên khác khi Bên đó áp dụng hoặc duy trì các biện pháp theo luật và quy định của mình mà Bên đó cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu liên quan đến việc một bên hoặc người cung cấp dịch vụ của bên không tham gia Hiệp định sẽ bị ảnh hưởng hoặc vi phạm nếu các lợi ích của Hiệp định này được dành cho nhà cung cấp dịch vụ đó.

## **ĐIỀU 14**

### **Trợ cấp**

1. Trừ khi có quy định khác trong Điều này, Hiệp định này sẽ không áp dụng đối với các khoản trợ cấp hoặc tài trợ của một Bên, hoặc đối với bất cứ điều kiện nào liên quan đến việc nhận hoặc tiếp tục nhận các trợ cấp và tài trợ như vậy, cho dù các trợ cấp và tài trợ đó được dành riêng cho các dịch vụ trong nước, người tiêu dùng dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ. Nếu những khoản trợ cấp hoặc tài trợ tác động đáng kể đến thương mại dịch vụ mà nước đó có cam kết theo Hiệp định này, bất cứ Bên nào có quyền yêu cầu tham vấn để tìm ra cách giải quyết thỏa đáng cho vấn đề này.
2. Căn cứ theo Hiệp định này, các Bên sẽ:
- (a) cung cấp thông tin về trợ cấp có liên quan tới thương mại dịch vụ cam kết theo Hiệp định này theo yêu cầu cho bất cứ Bên yêu cầu nào; và
  - (b) rà soát lại việc xử lý vấn đề trợ cấp khi các nguyên tắc liên quan của WTO được xây dựng.
3. Các điều khoản trong Hiệp định ASEAN - Ấn Độ về cơ chế giải quyết tranh chấp sẽ không được áp dụng đối với các yêu cầu về tham vấn thuộc Điều này hoặc với bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa các Bên về Điều này.

## **ĐIỀU 15**

### **Hợp tác**

Các Bên sẽ tăng cường các nỗ lực hợp tác trong các ngành dịch vụ, kể cả các ngành không thuộc các thoả thuận hợp tác hiện tại. Các Bên sẽ thảo luận và cùng nhất trí về các ngành dịch vụ cần hợp tác và phát triển các chương trình

hợp tác trong những ngành này nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả và sức cạnh tranh của mình.

## ĐIỀU 16

### Tăng cường sự tham gia của các nước CLMV

1. Việc tăng cường sự tham gia của các nước CLMV bao gồm Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma và Việt Nam trong Hiệp định này được thực hiện thông qua các cam kết cụ thể được đàm phán, liên quan đến:

- (a) tăng cường năng lực, hiệu quả và tính cạnh tranh của các ngành dịch vụ trong nước của các nước này, không kể các vấn đề khác, bao gồm việc tiếp cận công nghệ trên cơ sở thương mại;
- (b) nâng cao khả năng tiếp cận của các nước này tới các kênh phân phối và hệ thống thông tin;
- (c) tự do hóa tiếp cận thị trường trong các lĩnh vực và phương thức cung cấp gắn liền với lợi ích xuất khẩu của họ.

2. Các linh hoạt phù hợp cho các nước Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma và Việt Nam để từng bước tự do hóa về các cam kết cụ thể phù hợp trình độ phát triển của mình

## PHẦN III: CÁC CAM KẾT CỤ THỂ

### ĐIỀU 17

#### Tiếp cận thị trường

1. Đối với việc tiếp cận thị trường theo các phương thức cung cấp dịch vụ nêu tại đoạn (aa) Điều 2 (Định nghĩa) của Hiệp định này, mỗi Bên phải dành cho dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ của các Bên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử theo những điều khoản, hạn chế và điều kiện đã được thỏa thuận và quy định trong Biểu cam kết cụ thể<sup>7</sup> của mình.

2. Trong những ngành có cam kết mở cửa thị trường, một Bên không được duy trì hoặc ban hành những biện pháp sau đây, dù là ở cấp vùng hay toàn lãnh thổ của Bên đó, trừ trường hợp có quy định khác trong Biểu cam kết:

- (a) hạn chế số lượng nhà cung cấp dịch vụ dù dưới hình thức hạn ngạch theo số lượng, độc quyền, toàn quyền cung cấp dịch vụ hoặc yêu cầu đáp ứng nhu cầu kinh tế;

---

<sup>7</sup> Nếu một thành viên cam kết mở cửa thị trường liên quan đến việc cung cấp một dịch vụ thông qua hình thức cung cấp dịch vụ được nêu tại Điều 1 (t) (i) và nếu việc di chuyển vốn qua biên giới là phần không thể tách rời của dịch vụ, thì Bên đó cam kết cho phép việc di chuyển vốn như vậy. Nếu một Bên cam kết mở cửa thị trường liên quan đến việc cung ứng một dịch vụ thông qua phương thức cung cấp được nêu tại Điều 1(t) (iii), Bên đó cũng sẽ cam kết cho phép việc chuyển giao vốn liên quan vào lãnh thổ của mình.



- (b) hạn chế về tổng trị giá các giao dịch về dịch vụ hoặc tài sản dưới hình thức hạn ngạch theo số lượng, hoặc yêu cầu đáp ứng nhu cầu kinh tế;
- (c) hạn chế tổng số các hoạt động dịch vụ hoặc tổng số lượng dịch vụ đầu ra tính theo số lượng đơn vị dưới hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu về yêu cầu đáp ứng nhu cầu kinh tế<sup>8</sup>;
- (d) hạn chế về tổng số thể nhân có thể được tuyển dụng trong một ngành dịch vụ cụ thể hoặc một nhà cung cấp dịch vụ được phép tuyển dụng cần thiết hoặc trực tiếp liên quan tới việc cung cấp một dịch vụ cụ thể dưới hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu đáp ứng nhu cầu kinh tế;
- (e) các biện pháp hạn chế hoặc yêu cầu các hình thức pháp nhân cụ thể hoặc liên doanh thông qua đó nhà cung cấp dịch vụ có thể cung cấp dịch vụ; và
- (f) hạn chế về tỷ lệ vốn góp của Bên nước ngoài bằng việc quy định giới hạn phần trăm tối đa cổ phần của Bên nước ngoài hoặc tổng trị giá đầu tư nước ngoài tính đơn hoặc tính gộp.

## ĐIỀU 18

### Đối xử quốc gia

1. Trong những ngành được nêu trong Biểu cam kết, và tùy thuộc vào các điều kiện và tiêu chuẩn được quy định trong đó, liên quan tới tất cả các biện pháp có tác động đến việc cung cấp dịch vụ, mỗi Bên phải dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ Bên nào khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử được Bên đó dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của chính mình<sup>9</sup>.
2. Một Bên có thể đáp ứng những yêu cầu quy định tại đoạn 1 của Điều này bằng cách dành cho dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ một Bên nào khác một sự đối xử tương tự về hình thức hoặc sự đãi ngộ khác biệt về hình thức mà Bên đó dành cho dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ của chính mình.
3. Sự đãi ngộ tương tự hoặc khác biệt về hình thức được coi là kém thuận lợi hơn nếu nó làm thay đổi điều kiện cạnh tranh có lợi cho dịch vụ hay nhà cung cấp dịch vụ của Bên đó so với dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ tương tự của bất kỳ Bên nào khác.

<sup>8</sup> Đoạn 2(c) trong Điều khoản này không bao gồm những biện pháp của một Bên nhằm hạn chế đầu vào đối với việc cung cấp dịch vụ

<sup>9</sup> Các cam kết cụ thể theo Điều này sẽ không được hiểu là yêu cầu bất kỳ Bên nào bồi thường các bất lợi cạnh tranh cố hữu do đặc tính nước ngoài của các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ liên quan gây ra.



## ĐIỀU 19

### Các cam kết bổ sung

Các Bên có thể đàm phán các cam kết liên quan đến các biện pháp có tác động tới thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng phải cam kết nêu tại Điều 17 và 18, kể cả các cam kết về tiêu chuẩn chuyên môn, tiêu chuẩn hoặc những vấn đề liên quan tới cấp phép. Những cam kết đó được ghi vào Biểu cam kết của mỗi Bên.

## ĐIỀU 20

### Biểu cam kết cụ thể

1. Mỗi Bên sẽ có Biểu cam kết cụ thể phù hợp với Điều 17 (Tiếp cận thị trường), Điều 18 (Đối xử quốc gia), và Điều 19 (Cam kết bổ sung). Với các ngành nằm trong Biểu cam kết này, mỗi Điều phải chỉ rõ:

- (a) các ngành có cam kết đó;
- (b) điều khoản, giới hạn và điều kiện tiếp cận thị trường;
- (c) các điều kiện và tiêu chuẩn về đãi ngộ quốc gia;
- (d) những cam kết liên quan đến các cam kết bổ sung; và
- (e) lộ trình phù hợp để thực hiện các cam kết đó.

2. Các biện pháp không phù hợp với cả hai Điều 17 và 18 được ghi vào cả hai cột liên quan đến Điều 18 và 19. Trong trường hợp này, việc thêm vào sẽ được coi như là một điều kiện hoặc tiêu chí cho Điều 18.

3. Trường hợp cam kết về di chuyển thể nhân sẽ bao gồm một hoặc nhiều hạng mục về thể nhân được định nghĩa trong Phụ lục về Di chuyển thể nhân theo đoạn 1 của Điều này.

4. Các Biểu cam kết cụ thể của các Bên sẽ trở thành phụ lục của Hiệp định này khi kết thúc đàm phán và là một phần không thể tách rời của Hiệp định.

## ĐIỀU 21

### Áp dụng và cho hưởng các cam kết

1. Ấn Độ sẽ có một Biểu cam kết cụ thể theo Điều 20 và sẽ áp dụng Biểu cam kết này cho Bru-nây, Cam-pu-chia, Lào, Ma-lay-xia, My-an-ma, Sing-ga-po, Thái Lan và Việt Nam, và có Biểu cam kết riêng dành cho In-đô-nê-xia và Phi-lip-pin.

2. Mỗi quốc gia thành viên ASEAN sẽ có Biểu cam kết cụ thể riêng rẽ theo Điều 20 của Hiệp định này và sẽ áp dụng Bảng này cho Ấn Độ và tất cả các quốc gia thành viên ASEAN còn lại.

## ĐIỀU 22

### Sửa đổi các Biểu cam kết

1. Một Bên có thể sửa đổi hoặc rút bỏ bất kỳ cam kết nào trong Biểu cam kết cụ thể của mình vào bất kỳ thời điểm nào sau 3 năm kể từ ngày cam kết có hiệu lực với điều kiện:
  - (a) Bên đó thông báo cho Ủy ban hỗn hợp về Dịch vụ về ý định của mình muốn sửa đổi hay rút bỏ một cam kết trong thời gian 3 tháng trước ngày dự kiến thực hiện việc sửa đổi hoặc rút bỏ cam kết; và
  - (b) Bên đó tham gia đàm phán với bất kỳ Bên nào có quyền lợi bị ảnh hưởng để thoả thuận về các dàn xếp đền bù cần thiết.
2. Trong quá trình thoả thuận đền bù, các Bên phải đảm bảo rằng mức độ thuận lợi chung của các cam kết đối với thương mại không kém ưu đãi hơn so với mức độ nêu trong Biểu cam kết cụ thể trước khi diễn ra các cuộc đàm phán này.
3. Bất kỳ một thoả thuận đền bù nào theo Điều này phải được dành cho tất cả các Bên trên cơ sở không phân biệt đối xử.
4. Nếu các Bên liên quan không thể đạt được một thoả thuận đền bù, vấn đề này sẽ được giải quyết theo Hiệp định ASEAN - Ấn Độ về Cơ chế giải quyết tranh chấp. Bên sửa đổi có thể không được sửa đổi hoặc rút lại các cam kết trước khi Bên đó đạt được thoả thuận đền bù phù hợp với phán quyết của trọng tài.
5. Nếu Bên sửa đổi thực hiện sửa đổi hoặc rút lại cam kết, không tuân thủ phán quyết của trọng tài, bất cứ Bên nào tham gia trọng tài có thể sửa đổi hoặc rút các các lợi ích gần tương đương, phù hợp với phán quyết trọng tài Bất kể Điều 21, việc sửa đổi hoặc rút lại cam kết chỉ được áp dụng đối với Bên sửa đổi.

## PHẦN IV: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

### ĐIỀU 23

#### Quan hệ với các Hiệp định khác

1. Mỗi Bên khẳng định lại các quyền và nghĩa vụ của mình đối với Bên khác theo quy định của Hiệp định WTO và/hoặc các hiệp định khác mà Bên này tham gia.
2. Không quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là làm ảnh hưởng tới nghĩa vụ hoặc quyền lợi của một Bên trong Hiệp định WTO và các hiệp định khác mà Bên đó là thành viên.
3. Trong trường hợp có sự thiếu nhất quán giữa Hiệp định này với bất cứ hiệp định nào mà các Bên là thành viên, các Bên đó sẽ tham vấn ngay lập tức để tìm ra một giải pháp chung.

4. Không có quy định nào trong Hiệp định này ngăn cấm việc một quốc gia thành viên ASEAN tham gia vào các hiệp định khác với bất kỳ thành viên ASEAN nào khác và/hoặc với Ấn Độ.

5. Hiệp định này sẽ không áp dụng với bất kỳ hiệp định nào giữa các quốc gia thành viên ASEAN với nhau hoặc hiệp định giữa bất kỳ quốc gia thành viên ASEAN nào với Ấn Độ trừ khi được nhất trí bởi các bên tham gia hiệp định đó.

## **ĐIỀU 24**

### **Phụ lục và các Công cụ pháp lý trong tương lai**

1. Các Phụ lục sẽ trở thành một bộ phận của Hiệp định này.
2. Các Bên có thể thông qua các công cụ pháp lý trong tương lai phù hợp với các điều khoản trong Hiệp định này, bao gồm cả các công cụ được Ủy ban hỗn hợp về Dịch vụ đề xuất. Khi có hiệu lực, các công cụ này sẽ trở thành một bộ phận của Hiệp định này.

## **ĐIỀU 25**

### **Cơ quan đầu mối**

1. Mỗi Bên phải chỉ định một cơ quan đầu mối nhằm tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin giữa các Bên đối với một vấn đề nằm trong Hiệp định này, bao gồm việc trao đổi thông tin có liên quan tới việc thực thi và triển khai Hiệp định này.
2. Khi bất kỳ Bên nào yêu cầu, cơ quan đầu mối của Bên được yêu cầu phải xác định cơ quan hoặc người chịu trách nhiệm về vấn đề này và hỗ trợ tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin với Bên yêu cầu.

## **ĐIỀU 26**

### **Ủy ban hỗn hợp về Thương mại Dịch vụ**

1. Ủy ban hỗn hợp về Thương mại dịch vụ sẽ được thành lập trong khuôn khổ Hiệp định này trong vòng một năm kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực.
2. Chức năng của Ủy ban này gồm:
  - (a) rà soát việc triển khai và hoạt động của Hiệp định;
  - (b) báo cáo với các Bên về tiến trình hoạt động và triển khai Hiệp định;
  - (c) xem xét và đề xuất với các Bên những sửa đổi với Hiệp định;
  - (d) giám sát và phối hợp làm việc cùng các Tiểu ban được thành lập trong khuôn khổ Hiệp định này; và
  - (e) thực hiện các chức năng khác theo sự thống nhất của các Bên.
3. Ủy ban hỗn hợp về Thương mại dịch vụ:
  - (a) sẽ gồm đại diện của các Bên; và
  - (b) có thể thành lập các tiểu ban và giao công việc cho các tiểu ban đó.



## ĐIỀU 27

### Rà soát

Ủy ban hỗn hợp về Dịch vụ sẽ họp trong vòng một năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực để rà soát lại việc thực hiện Hiệp định này hoặc theo thỏa thuận của các Bên. Sau đó, Ủy ban sẽ họp 2 năm một lần hoặc khi cần thiết nhằm rà soát Hiệp định, kể cả với mục đích tự do hóa từng bước thương mại dịch vụ cũng như xây dựng các quy tắc và đàm phán các gói cam kết kế tiếp theo thỏa thuận nhằm tạo thuận lợi cho việc xóa bỏ đáng kể sự phân biệt đối xử còn lại giữa các Bên liên quan đến thương mại dịch vụ theo Hiệp định này, kể cả Phụ lục về Di chuyển thể nhân.

## ĐIỀU 28

### Các Điều khoản khác

1. Các phụ lục của GATS, gồm Phụ lục về Di chuyển của Thể nhân cung cấp dịch vụ, Phụ lục về Dịch vụ vận tải hàng không, Phụ lục về Dịch vụ tài chính và Phụ lục về Dịch vụ viễn thông sẽ áp dụng đối với Hiệp định này, với *sửa đổi hợp lý*.
2. Hiệp định này bao gồm (a) các Phụ lục bao gồm Phụ lục về Di chuyển thể nhân đã thống nhất theo Hiệp định này và nội dung của Phụ lục sẽ là một phần không tách rời của Hiệp định này, và (b) tất cả các công cụ pháp lý trong tương lai được thoả thuận theo Hiệp định này.
3. Trừ khi có quy định khác trong Hiệp định này, Hiệp định này hoặc bất kỳ hành động nào được thực hiện theo Hiệp định này không được làm ảnh hưởng hoặc làm vô hiệu hoá các quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên trong các hiệp định hiện tại mà Bên đó tham gia.

## ĐIỀU 29

### Sửa đổi

Hiệp định này có thể được sửa đổi theo thoả thuận bằng văn bản của các Bên và các sửa đổi này sẽ có hiệu lực kể từ ngày đó hoặc ngày do các Bên thoả thuận.

## ĐIỀU 30

### Giải quyết tranh chấp

Trừ khi được nêu rõ trong Hiệp định, mọi tranh chấp liên quan đến việc diễn giải, triển khai, hoặc áp dụng Hiệp định sẽ được giải quyết thông qua cơ chế và thủ tục trong Hiệp định ASEAN - Ấn Độ về Cơ chế giải quyết tranh chấp.

## ĐIỀU 31

### Từ chối lợi ích

Một Bên có thể từ chối cho hưởng lợi ích của Hiệp định này:



- (a) đối với việc cung cấp dịch vụ, nếu Bên đó chứng minh được rằng dịch vụ được cung cấp từ hoặc trong phạm vi lãnh thổ của một nước không tham gia Hiệp định này;
- (b) trong trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải đường biển, nếu Bên đó chứng minh được rằng dịch vụ được cung cấp:
  - (i) bằng một tàu được đăng ký theo luật của một nước không tham gia Hiệp định này; và
  - (ii) do một người của một nước không tham gia Hiệp định này điều khiển và/hoặc sử dụng toàn bộ hoặc một phần con tàu.
- (c) đối với nhà cung cấp dịch vụ của một Bên khác, nếu chứng minh được rằng:
  - (i) nhà cung cấp dịch vụ là một thể nhân, và thể nhân đó không phải là “thể nhân của một Bên” theo định nghĩa của Hiệp định này; và
  - (ii) nhà cung cấp dịch vụ là một pháp nhân, và pháp nhân đó không phải là “pháp nhân của một Bên” theo định nghĩa của Hiệp định này.

## ĐIỀU 32

### Thời hạn hiệu lực

1. Mỗi Bên phải thông báo cho các Bên khác bằng văn bản về việc hoàn tất các thủ tục trong nước<sup>10</sup> cần thiết để đưa Hiệp định vào hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2014 đối với các Bên đã có thông báo với điều kiện Ấn Độ và ít nhất bốn (4) quốc gia thành viên ASEAN đã thông báo vào thời điểm đó.
2. Nếu Hiệp định này không có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2014 thì sẽ có hiệu lực, với các Bên đã thông báo theo đoạn 1 của Điều này, sáu mươi (60) ngày sau ngày mà Ấn Độ và ít nhất bốn (4) quốc gia thành viên ASEAN đã có thông báo theo đoạn 1 của Điều này.
3. Sau khi Hiệp định này đi vào hiệu lực theo Đoạn 1 hoặc 2 của Điều này, Hiệp định này sẽ có hiệu lực với bất kỳ Bên nào trong vòng 60 ngày từ ngày Bên đó có thông báo theo đoạn 1 của Điều này.

## ĐIỀU 33

### Lưu chiếu

Đối với các quốc gia thành viên ASEAN, Hiệp định này sẽ được Tổng Thư ký ASEAN lưu chiếu và sẽ nhanh chóng gửi một bản sao có chứng thực tới từng quốc gia thành viên ASEAN.

<sup>10</sup> Để làm rõ, cụm từ “thủ tục trong nước” có thể bao gồm việc được chính phủ hay quốc hội thông qua phù hợp với luật pháp trong nước.

## ĐIỀU 34

### Rút bỏ và Chấm dứt

1. Bất kỳ Bên nào cũng có thể rút khỏi Hiệp định này bằng cách thông báo cho các Bên khác bằng văn bản trước 12 tháng.
2. Hiệp định này sẽ chấm dứt nếu, phù hợp với đoạn 1:
  - (a) Ấn Độ rút khỏi Hiệp định; hoặc
  - (b) Hiệp định này có hiệu lực với ít hơn bốn quốc gia thành viên ASEAN.
3. Các Bên có thể yêu cầu bằng văn bản về việc tổ chức tham vấn liên quan đến các vấn đề phát sinh từ việc rút khỏi Hiệp định trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phù hợp với đoạn 1 của Điều này. Bên được yêu cầu sẽ tham gia vào tham vấn tự nguyện khi nhận được thư yêu cầu.

**ĐỂ LÀM BẰNG**, những người ký dưới đây được sự uỷ nhiệm hợp pháp của Chính phủ nước mình, đã ký Hiệp định về Thương mại dịch vụ trong khuôn khổ Hiệp định Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Cộng hoà Ấn Độ.

**ĐƯỢC KÝ** tại \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_, vào ngày \_\_\_\_\_ trong năm 20... và \_\_\_\_\_, được làm thành hai bản bằng tiếng Anh.

## Phụ lục Di chuyển thể nhân

Cho mục đích của Hiệp định này:

- (a) **Khách doanh nhân** là thể nhân tìm kiếm việc nhập cảnh tạm thời lãnh thổ của một Bên khác, hưởng thù lao có nguồn gốc ngoài Bên này:
- (i) với mục đích đàm phán bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ thay mặt cho một nhà cung cấp dịch vụ của một Bên trong trường hợp việc đàm phán không liên quan đến việc bán hàng trực tiếp cho công chúng và đại diện của nhà cung cấp dịch vụ không trực tiếp cung ứng dịch vụ; hoặc
  - (ii) với tư cách một nhân viên của một pháp nhân, là quản lý, giám đốc hoặc chuyên gia (như định nghĩa trong đoạn (c)(i), (c)(ii) và (c)(iii) của Phụ lục này) với mục đích đầu tư hoặc thiết lập hiện diện thương mại cho pháp nhân trong lãnh thổ của một Bên khác; hoặc
  - (iii) với mục đích đầu tư hoặc thành lập hiện diện thương mại; hoặc
  - (iv) với mục đích tham gia đàm phán kinh doanh hoặc cuộc họp kinh doanh.
- (b) **Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng**<sup>11</sup> là nhân viên của một pháp nhân của một Bên không có hiện diện thương mại tại một Bên khác nơi dịch vụ được cung cấp,
- (i) nhập cảnh tạm thời lãnh thổ của Bên khác đó để thực hiện một dịch vụ phù hợp với hợp đồng giữa pháp nhân và người tiêu dùng dịch vụ<sup>12</sup> trong lãnh thổ của Bên khác đó;
  - (ii) nhận thù lao từ pháp nhân; và
  - (iii) có chứng chỉ học vấn hoặc chứng chỉ khác phù hợp liên quan đến dịch vụ cung cấp và đã đăng ký với cơ quan chuyên môn liên quan.
- (c) **Nhân viên luân chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (ICT)** đề cập đến nhân viên của một pháp nhân của một Bên như định nghĩa trong Hiệp định này được luân chuyển tạm thời để cung cấp dịch

<sup>11</sup> Để làm rõ, trong trường hợp của Phi-lip-pin, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng đã bao gồm định nghĩa này, và đồng thời (a) là giám đốc, quản lý hoặc chuyên gia nêu cụ thể trong Biểu cam kết, và (b) là nhân viên của một pháp nhân trong khoảng thời gian được nêu trong Biểu cam kết của mỗi Bên trước khi nộp đơn nhập cảnh hoặc tạm trú.

<sup>12</sup> Với trường hợp của In-đô-nê-xia, Thái Lan và Việt Nam, người tiêu dùng dịch vụ phải là pháp nhân.



vụ thông qua hiện diện thương mại trong lãnh thổ của một Bên khác, và là nhân viên của pháp nhân đó trong một khoảng thời gian nêu trong Biểu cam kết, và là:

- (i) **Giám đốc:** thể nhân trong tổ chức chỉ đạo chính việc quản lý tổ chức và có quyền hành lớn trong việc ra quyết định và chỉ chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo chung từ các cấp lãnh đạo cao hơn, ban giám đốc, hoặc cổ đông của công ty. Giám đốc không trực tiếp thực hiện các tác vụ cần thiết để cung cấp dịch vụ trong chừng mực điều này không ngăn cản người này, khi thực hiện tác vụ nêu trên, thực hiện các công việc cần thiết để cung cấp dịch vụ;
- (ii) **Quản lý:** thể nhân trong tổ chức chỉ đạo chính tổ chức/phòng/ban và thực hiện nhiệm vụ quản lý và giám sát đội ngũ nhân viên chuyên môn/quản lý hoặc giám sát khác; không bao gồm các giám sát viên cấp một trừ khi nhân viên được giám sát là các chuyên gia, không bao gồm các nhân viên trực tiếp hoạt động cung cấp dịch vụ, nhưng điều này không ngăn cản người quản lý, trong khi thực hiện chức năng của mình thực hiện các công việc cần thiết để cung cấp dịch vụ; hoặc
- (iii) **Chuyên gia:** thể nhân trong tổ chức có kiến thức chuyên môn cấp cao thiết yếu cho việc hình thành/cung cấp dịch vụ và/hoặc có kiến thức về dịch vụ, nghiên cứu, thiết bị hoặc quản lý của tổ chức. Một chuyên gia có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, các thành viên của một tổ chức chuyên môn được cấp phép.

*Bản dịch*

**VIỆT NAM**  
**BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

AI-TISA/SC1/VIE

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
-----------------------	-----------------------------	-------------------------	-----------------

<b>I. CAM KẾT CHUNG</b>			
<p><b>TẤT CẢ CÁC NGÀNH VÀ PHÂN NGÀNH TRONG BIỂU CAM KẾT</b></p>	<p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p>Trừ khi có quy định khác tại từng ngành và phân ngành cụ thể của Biểu cam kết này, doanh nghiệp nước ngoài được phép thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh<sup>1</sup>, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.</p> <p>Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam nhưng các văn phòng đại diện không được tham gia vào các hoạt động sinh lợi trực tiếp<sup>2</sup>.</p> <p>Chưa cam kết việc thành lập chi nhánh, trừ khi có quy định khác tại từng ngành và phân ngành cụ thể của Biểu cam kết này.</p> <p>Các điều kiện về sở hữu, hoạt động, hình thức pháp nhân và phạm vi hoạt động được quy định tại giấy phép thành lập hoặc cho phép hoạt động và cung cấp</p>	<p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p>Các khoản trợ cấp có thể chỉ dành cho các nhà cung cấp dịch vụ Việt Nam, nghĩa là các pháp nhân được thành lập trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc một vùng của Việt Nam. Việc dành trợ cấp một lần để thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cổ phần hóa không bị coi là vi phạm cam kết này. Chưa cam kết đối với các khoản trợ cấp dành cho nghiên cứu và phát triển. Chưa cam kết đối với các khoản trợ cấp trong các ngành y tế, giáo dục và nghe nhìn. Chưa cam kết đối với các khoản trợ cấp nhằm nâng cao phúc lợi và tạo công ăn việc làm cho đồng bào thiểu số.</p>	

<sup>1</sup> Hợp đồng hợp tác kinh doanh là văn bản ký kết giữa hai hay nhiều bên (trong đó ít nhất một bên là pháp nhân Việt Nam và một bên phải là pháp nhân nước ngoài) để tiến hành hoạt động đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam, trong đó quy định trách nhiệm và phân chia kết quả kinh doanh của mỗi bên mà không thành lập pháp nhân.

<sup>2</sup> Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hoạt động thương mại, du lịch nhưng không được tham gia và các hoạt động sinh lợi trực tiếp.



**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>dịch vụ, hoặc các hình thức chấp thuận tương tự khác, của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam sẽ không bị hạn chế hơn so với mức thực tế tại thời điểm Hiệp định này có hiệu lực.</p> <p>Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép thuê đất để thực hiện dự án đầu tư của mình. Thời hạn thuê đất phải phù hợp với thời hạn hoạt động của các doanh nghiệp này, được quy định trong giấy phép đầu tư. Thời hạn thuê đất sẽ được gia hạn khi thời gian hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền gia hạn.</p> <p>Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép góp vốn dưới hình thức mua cổ phần trong các doanh nghiệp Việt Nam. Trong trường hợp này, tổng mức vốn cổ phần do các nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trong một doanh nghiệp không được vượt quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó, trừ khi luật pháp Việt Nam có quy định khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép.</p> <p>Với các ngành và phân ngành khác đã cam kết trong Biểu cam kết này, mức cổ phần do các nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ khi mua cổ phần tại doanh nghiệp</p>		

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>Việt Nam phải phù hợp với các hạn chế về tỷ lệ tham gia vốn của nước ngoài được quy định trong các ngành và phân ngành đó, bao gồm cả hạn chế dưới dạng thời gian chuyển đổi, nếu có.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các biện pháp liên quan đến nhập cảnh và lưu trú tạm thời của các thể nhân thuộc các nhóm sau:</p> <p>(a) Nhân viên luân chuyển trong nội bộ doanh nghiệp</p> <p>Các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia, như được định nghĩa dưới đây, của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại này và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 1 năm, được phép nhập cảnh và lưu trú trong thời gian ban đầu là 3 năm và sau đó có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn hoạt động của các đơn vị này tại Việt Nam. Ít nhất 20% tổng số các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia phải là công dân Việt Nam. Tuy nhiên, mỗi doanh nghiệp nước ngoài sẽ được phép có tối thiểu 3 nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia không phải là người Việt Nam.</p> <p>Nhà quản lý, Giám đốc điều hành là</p>	<p>(4) Chưa cam kết, trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường.</p>	

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ân Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới    2) Tiêu dùng ở nước ngoài    3) Hiện diện thương mại    4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>những người trực tiếp quản lý doanh nghiệp nước ngoài đã thiết lập hiện diện thương mại tại Việt Nam, chỉ chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo chung từ hội đồng quản trị hoặc các cổ đông của doanh nghiệp hoặc cấp tương đương; quản lý doanh nghiệp bao gồm việc chỉ đạo doanh nghiệp đó hoặc một phòng, ban hoặc một đơn vị trực thuộc của hiện diện thương mại, giám sát và kiểm soát công việc của các nhân viên chuyên môn, nhân viên quản lý hoặc nhân viên giám sát khác, có quyền thuê và sa thải hoặc kiến nghị thuê, sa thải hoặc các hoạt động về nhân sự khác. Các nhà quản lý, giám đốc điều hành này không trực tiếp thực hiện các công việc liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của hiện diện thương mại.</p> <p>Chuyên gia là thể nhân làm việc trong một tổ chức, là người có trình độ chuyên môn cao và có kiến thức về dịch vụ, thiết bị nghiên cứu, kỹ thuật hay quản lý của tổ chức đó. Để đánh giá kiến thức này, cần xem xét không chỉ kiến thức cụ thể đối với hình thức hiện diện thương mại đó mà phải xem xét cả việc người đó có kỹ năng hoặc chuyên môn cao liên quan đến thương mại hoặc một loại công việc đòi hỏi kiến thức chuyên ngành hay không. Chuyên gia có thể bao gồm, nhưng không chỉ bao gồm, các thành viên của một ngành nghề chuyên môn được cấp phép.</p>		



**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới 2) Tiêu dùng ở nước ngoài 3) Hiện diện thương mại 4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>(b) Nhân sự khác</p> <p>Các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia, như được định nghĩa ở mục (a) trên đây, mà người Việt Nam không thể thay thế, do một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam tuyển dụng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam để tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp này trên lãnh thổ Việt Nam, được phép nhập cảnh và lưu trú theo thời hạn của hợp đồng lao động có liên quan hoặc trong một thời gian lưu trú ban đầu là 3 năm, tùy theo thời hạn nào ngắn hơn và sau đó có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn của hợp đồng lao động giữa họ với hiện diện thương mại này.</p> <p>(c) Người chào bán dịch vụ</p> <p>Là những người không sống tại Việt Nam và không nhận thù lao từ bất cứ nguồn nào tại Việt Nam, tham gia vào các hoạt động liên quan đến việc đại diện cho một nhà cung cấp dịch vụ để đàm phán tiêu thụ dịch vụ của nhà cung cấp đó, với điều kiện: (i) không được bán trực tiếp dịch vụ đó cho công chúng và (ii) người chào bán không trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ. Thời gian lưu trú của những người chào bán dịch vụ này không được quá 90 ngày.</p>		

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>(d) Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại:</p> <p>Là các nhà quản lý và giám đốc điều hành (như định nghĩa tại mục (a) ở trên) của một pháp nhân, chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại của một nhà cung cấp dịch vụ của một Thành viên tại Việt Nam, với điều kiện (i) những người này không tham gia trực tiếp vào việc bán hàng hay cung cấp dịch vụ; và (ii) nhà cung cấp dịch vụ đó có địa bàn kinh doanh chính tại lãnh thổ của một Thành viên không phải Việt Nam và chưa có bất kỳ hiện diện thương mại nào khác ở Việt Nam. Thời hạn lưu trú của những người này là không quá 90 ngày.</p> <p>(e) Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng (CSS)</p> <p>Các thể nhân làm việc trong một doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam có thể nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam trong thời hạn 90 ngày hoặc theo thời hạn hợp đồng, tùy thời hạn nào ngắn hơn, nếu đáp ứng được các điều kiện và yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp nước ngoài đã có hợp đồng dịch vụ với một doanh nghiệp Việt Nam hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể thiết lập các</li> </ul>		

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>thủ tục cần thiết để bảo đảm tính xác thực của hợp đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những người này phải có: (a) bằng đại học hoặc chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật chứng nhận có kiến thức tương đương; (b) trình độ chuyên môn, nếu cần, để thực hiện công việc trong lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam; và (c) ít nhất 5 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực này.</li> <li>- Số lượng các thể nhân quy định trong hợp đồng không được nhiều hơn mức cần thiết để thực hiện hợp đồng do pháp luật quy định và theo yêu cầu của Việt Nam.</li> <li>- Những người này đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất hai năm và phải đáp ứng các điều kiện đối với “chuyên gia” như đã mô tả ở trên.</li> </ul> <p>Những người này được nhập cảnh để cung cấp dịch vụ kiến trúc (CPC 8671), dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính (CP 841-845, 849) và dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672).</p>		



**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
-----------------------	-----------------------------	-------------------------	-----------------

**II. CAM KẾT CỤ THỂ CHO TỪNG NGÀNH**

**1. CÁC DỊCH VỤ KINH DOANH**

**A. Dịch vụ chuyên môn**

(a). Dịch vụ pháp lý  
(CPC 861, không bao gồm:

- tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hay đại diện cho khách hàng của mình trước Tòa án Việt Nam;
- dịch vụ giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam).

(1) Không hạn chế

(2) Không hạn chế

(3) Tổ chức luật sư nước ngoài<sup>3</sup> được phép thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức sau:

- Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài;
- Công ty con của tổ chức luật sư nước ngoài;
- Công ty luật nước ngoài<sup>4</sup>;
- Công ty hợp danh giữa tổ chức luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam.

Hiện diện thương mại của tổ chức luật sư nước ngoài được phép tư vấn luật Việt Nam nếu luật sư tư vấn đã tốt nghiệp đại học luật của Việt Nam và đáp ứng được các yêu cầu áp dụng cho luật sư hành nghề tương tự của Việt Nam.

(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung

(1) Không hạn chế

(2) Không hạn chế

(3) Không hạn chế

(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung

<sup>3</sup> "Tổ chức luật sư nước ngoài" là tổ chức của các luật sư hành nghề do một hoặc nhiều luật sư hoặc công ty luật nước ngoài thành lập ở nước ngoài dưới bất kỳ hình thức công ty thương mại nào (kể cả hãng luật, công ty luật trách nhiệm hữu hạn, công ty luật cổ phần v.v...).

<sup>4</sup> Công ty luật nước ngoài là tổ chức do một hoặc nhiều tổ chức luật sư nước ngoài thành lập tại Việt Nam với mục đích hành nghề luật ở Việt Nam.

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

<b>Ngành hoặc Phân ngành</b>	<b>Hạn chế Tiếp cận thị trường</b>	<b>Hạn chế Đối xử quốc gia</b>	<b>Cam kết bổ sung</b>
(b). Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.	
(c). Dịch vụ thuế (CPC 863)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
(d). Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế, ngoại trừ:  Doanh nghiệp nước ngoài phải là pháp nhân của một Bên khác (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
(e). Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672) (f). Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế	

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:  Doanh nghiệp nước ngoài phải là pháp nhân của một Bên khác</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ :</p> <p>Việc cung cấp dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị-nông thôn, quy hoạch phát triển ngành phải được Chính phủ Việt Nam cho phép<sup>5</sup></p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	
<p>(g). Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674)</p>	<p>(1) Không hạn chế</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:  Doanh nghiệp nước ngoài phải là pháp nhân của một Bên khác</p>	<p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ nội dung dịch vụ phải được kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề phù hợp làm việc trong một tổ chức kiến trúc có tư cách pháp nhân của Việt Nam kiểm tra xác nhận và tuân thủ luật pháp và các quy định liên quan của Việt Nam.</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ kiến trúc sư nước ngoài chịu trách nhiệm trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có chứng chỉ hành nghề do Chính phủ Việt Nam cấp hoặc được Chính phủ Việt Nam công nhận.</p> <p>Vì lý do an ninh quốc gia và ổn định xã</p>	

<sup>5</sup> Để làm rõ hơn nội dung cam kết, cam kết này cho phép duy trì hoặc áp dụng các hạn chế vì các lý do an ninh quốc gia và trật tự công cộng, biện minh bằng Điều XIV và XIV bis của GATS.

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới 2) Tiêu dùng ở nước ngoài 3) Hiện diện thương mại 4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	hội, tại một số địa bàn, theo quy định của Chính phủ Việt Nam, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có thể không được phép cung cấp dịch vụ này <sup>6</sup> .  (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
(i) Dịch vụ thú y (CPC 932) <sup>7</sup>	(1) Không hạn chế  (2) Không hạn chế  (3) Chỉ dành quyền tiếp cận thị trường cho thể nhân cung cấp dịch vụ chuyên môn với tư cách cá nhân, sau khi đã được phép của cơ quan quản lý về thú y  (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế  (2) Không hạn chế  (3) Không hạn chế  (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
<b>B. Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan</b>			
(CPC 841-845, CPC 849)	(1) Không hạn chế  (2) Không hạn chế  (3) Không hạn chế  Cho phép thành lập chi nhánh	(1) Không hạn chế  (2) Không hạn chế  (3) Không hạn chế, ngoại trừ trường chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam	

<sup>6</sup> Để làm rõ hơn nội dung cam kết, cam kết này cho phép duy trì hoặc áp dụng các hạn chế vì các lý do an ninh quốc gia và trật tự công cộng, biện minh bằng Điều XIV và XIV bis của GATS.

<sup>7</sup> Phạm vi cam kết không bao gồm việc lưu trữ giống vi sinh vật dùng trong thú y.



**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới    2) Tiêu dùng ở nước ngoài    3) Hiện diện thương mại    4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	

**C. Dịch vụ nghiên cứu và phát triển**

(a) Dịch vụ nghiên cứu và phát triển đối với khoa học tự nhiên (CPC 851)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
--	--	--	--

**E. Dịch vụ cho thuê không kèm người điều khiển**

(b) Dịch vụ cho thuê máy bay (CPC 83104)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
(d) Dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị khác (CPC 83109)	(1) Chưa cam kết, ngoại trừ cho thuê máy móc và thiết bị công nghiệp <sup>8</sup> : Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Chưa cam kết	(1) Chưa cam kết, ngoại trừ cho thuê máy móc và thiết bị công nghiệp: Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Chưa cam kết	

<sup>8</sup> Không bao gồm thiết bị khai thác mỏ và thiết bị dàn khoan; các thiết bị viễn thông, truyền hình và truyền thanh thương mại.

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
<b>F. Các dịch vụ kinh doanh khác</b>			
(a) Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế, ngoại trừ:  Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được thành lập liên doanh hoặc tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác Việt Nam đã được phép kinh doanh dịch vụ quảng cáo  (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế     (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	Việc quảng cáo rượu phải tuân thủ các quy định của Nhà nước được áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử.
(b). Dịch vụ nghiên cứu thị trường (CPC 864, trừ 86402)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế, ngoại trừ :  Cho phép thành lập liên doanh trong đó phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh. Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài  (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế     (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

<b>Ngành hoặc Phân ngành</b>	<b>Hạn chế Tiếp cận thị trường</b>	<b>Hạn chế Đối xử quốc gia</b>	<b>Cam kết bổ sung</b>
(c). Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế Cho phép thành lập chi nhánh (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế, ngoại trừ trường chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.	
(d). Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý - CPC 866, trừ CPC 86602 - Dịch vụ trọng tài và hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân (CPC 86602**)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế. Cho phép thành lập chi nhánh (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế, ngoại trừ trường chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
(e). Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (CPC 8676 ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải)	(1) Chưa cam kết (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế, ngoại trừ sau 3 năm kể từ khi Việt Nam cho phép các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân được tham gia kinh doanh dịch vụ mà trước đó không có sự cạnh tranh của khu vực tư nhân do các dịch vụ này được cung cấp để thực hiện thẩm quyền của chính phủ, cho phép thành lập liên doanh trong đó không hạn	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế	

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Án Độ.**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới 2) Tiêu dùng ở nước ngoài 3) Hiện diện thương mại 4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>chế vốn nước ngoài. Sau 5 năm kể từ khi cho phép các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân được tham gia kinh doanh dịch vụ này: Không hạn chế.</p> <p>Vì lý do an ninh quốc gia, việc tiếp cận một số khu vực địa lý có thể bị hạn chế.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	
<p>(f). Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, săn bắn và lâm nghiệp (CPC 881)<sup>9</sup></p>	<p>(1) Không hạn chế</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p>Chỉ cho phép thành lập liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh. Phần vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(1) Không hạn chế</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p>Việc tiếp cận một số khu vực địa lý nhất định có thể bị hạn chế.<sup>10</sup></p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	

**(h) Dịch vụ liên quan đến khai thác mỏ (CPC 883)**

1. Cam kết tại phần này không bao gồm các hoạt động sau: cung ứng vật tư, thiết bị và hoá phẩm, dịch vụ căn cứ, dịch vụ tàu thuyền, dịch vụ sinh hoạt, đời sống, dịch vụ bay.

<sup>9</sup> Không cam kết đối với các dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên bao gồm: khai thác gỗ và săn bắn, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, dịch vụ chụp ảnh hàng không, gieo hạt và phun thuốc hóa chất bằng máy bay, quản lý quỹ gien cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp. Để làm rõ nội dung cam kết, dịch vụ chăn nuôi và phát triển nguồn giống là thuộc phạm vi cam kết.

<sup>10</sup> Để làm rõ hơn nội dung cam kết, cam kết này cho phép duy trì hoặc áp dụng các hạn chế vì các lý do an ninh quốc gia và trật tự công cộng, biện minh bằng Điều XIV và XIV bis của GATS.



**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
-----------------------	-----------------------------	-------------------------	-----------------

2. Cam kết tại phần này không ảnh hưởng tới quyền của Chính phủ Việt Nam trong việc đưa ra các quy định và thủ tục cần thiết để quản lý các hoạt động có liên quan tới dầu và khí trong phạm vi lãnh thổ hoặc quyền tài phán của Việt Nam phù hợp với các quyền và nghĩa vụ của Việt Nam theo GATS.

	<p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ: các công ty không có hiện diện thương mại tại Việt Nam có thể phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ Việt Nam theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ: Cho phép thành lập liên doanh với tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 51%. Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	
--	--	--	--

(i) Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884 và 885)	<p>(1) Không hạn chế</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ: Cho phép thành lập liên doanh trong đó tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 50%. Từ ngày 11 tháng 01</p>	<p>(1) Không hạn chế</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Chưa cam kết</p>	
---	--	---	--

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới 2) Tiêu dùng ở nước ngoài 3) Hiện diện thương mại 4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>năm 2015: Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	
<p>(m) Dịch vụ liên quan đến tư vấn khoa học kỹ thuật<sup>11</sup> (chỉ đối với CPC 86751, 86752 và 86753)</p>	<p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ các công ty không có hiện diện thương mại tại Việt Nam có thể phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ Việt Nam theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:  Cho phép thành lập liên doanh với tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 51%. Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	
<p>(n) Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC</p>	<p>(1) Không hạn chế</p> <p>(2) Không hạn chế</p>	<p>(1) Không hạn chế</p> <p>(2) Không hạn chế</p>	

<sup>11</sup> Việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến đánh giá trữ lượng, khảo sát, thăm dò và khai thác phải tuân thủ quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới 2) Tiêu dùng ở nước ngoài 3) Hiện diện thương mại 4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
633)	<p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p>Cho phép thành lập liên doanh với tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 51%. Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	

**2. CÁC DỊCH VỤ THÔNG TIN**

**B. Các dịch vụ chuyển phát (CPC 7512\*\*)**

<p>* Dịch vụ chuyển phát nhanh<sup>12</sup>, tức là dịch vụ gồm thu gom, chia chọn, vận chuyển và phát trong nước hoặc quốc tế:</p> <p>(a) Thông tin dưới dạng văn bản<sup>13</sup>, thể hiện trên bất kỳ hình thức vật lý nào, bao gồm cả:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- dịch vụ có lai ghép (hybrid mail service);</li> <li>- thông tin quảng cáo trực tiếp (direct mail).</li> </ul> <p>Trừ việc xử lý các vật gửi là thông tin</p>	<p>(1) Không hạn chế<sup>15</sup></p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(1) Không hạn chế</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>Dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của các Thành viên sẽ được dành cho sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho Bưu chính Việt Nam hoặc các công ty con của Bưu chính Việt Nam đối với các hoạt động cạnh tranh.</p>
---	--	---	--

<sup>12</sup> Các dịch vụ chuyển phát nhanh có thể bao gồm, ngoài yếu tố tốc độ xử lý nhanh hơn và độ tin cậy cao hơn, các yếu tố gia tăng giá trị như thu gom tận tay người gửi, phát tận tay người nhận, truy tìm và định vị, khả năng thay đổi nơi nhận và địa chỉ nhận trong khi đang vận chuyển, báo phát.

<sup>13</sup> Thông tin dưới dạng văn bản bao gồm thư tín, bưu thiếp, văn bản viết tay, hoặc ấn phẩm như sách, báo, ấn phẩm định kỳ, tạp chí, hoặc các chứng từ thương mại như hóa đơn, quảng cáo/ báo giá, v.v...

<sup>14</sup> Phần này bao gồm cả sách và catalô (catalogues).

<sup>15</sup> Việc cung cấp dịch vụ qua biên giới có thể được thực hiện thông qua sự liên kết với một nhà cung cấp dịch vụ trong nước đối với các khâu gom và phát.

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>dưới dạng văn bản có giá cước dịch vụ thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 lần giá cước của một bức thư tiêu chuẩn gửi trong nước ở nấc khối lượng đầu tiên</li> <li>- 9 Đô-la Mỹ (USD) khi gửi quốc tế;</li> </ul> <p>với điều kiện tổng khối lượng của các vật phẩm này không quá 2000 gam.</p> <p>(b) Kiện<sup>14</sup> và các hàng hóa khác.</p> <p>* Xử lý các vật phẩm không ghi địa chỉ người nhận (non-addressed items).</p>			

**B. Dịch vụ viễn thông**

Các cam kết dưới đây phù hợp với “Thông báo về việc đưa ra các cam kết về dịch vụ viễn thông cơ bản” (S/GBT/W/2/REV.1) và “Thông báo về Hạn chế tiếp cận thị trường liên quan đến độ khả dụng của phổ tần” (S/GBT/W/3)”. Để phục vụ các cam kết này, một “nhà cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng” có nghĩa là nhà cung cấp không sở hữu dung lượng truyền dẫn nhưng hợp đồng thuê dung lượng từ nhà khai thác, sở hữu dung lượng đó, bao gồm cả dung lượng cáp quang biên, kể cả trên cơ sở dài hạn. Một nhà cung cấp không có hạ tầng mạng được phép sở hữu các trang thiết bị viễn thông trong phạm vi trụ sở hoạt động của mình và tại các điểm cung cấp dịch vụ công cộng được cho phép (POP).

<p>Các dịch vụ viễn thông cơ bản</p> <p>(a) Các dịch vụ thoại (CPC 7521)</p>	<p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p><i>Dịch vụ hữu tuyến và di động mặt đất:</i></p>	<p>(1) Không hạn chế</p>	<p>Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản Tham chiếu gửi kèm theo.</p>
--	--	--------------------------	---

<sup>16</sup> Truyền quảng bá là một chuỗi truyền dẫn liên tục cần thiết cho việc quảng bá các tín hiệu chương trình phát thanh và truyền hình tới công chúng, nhưng không bao gồm các tuyến truyền dẫn giữa các nhà khai thác

<sup>17</sup> Các dịch vụ cung cấp đường kết nối giữa các nhà cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (IAS) này và với mạng trực Internet quốc tế.

<sup>18</sup> Một công ty đa quốc gia là công ty a) có hiện diện thương mại ở Việt Nam; b) đang hoạt động ở ít nhất một nước Thành viên WTO khác; c) đã đi vào hoạt động ít nhất năm năm; d) có cổ phiếu niêm yết ở sân giao dịch của một nước Thành viên WTO; và e) được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất ở ít nhất một nước Thành viên WTO.



**VIỆT NAM-RIEU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấu Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới    2) Tiêu dùng ở nước ngoài    3) Hiện diện thương mại    4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>(b) Dịch vụ truyền số liệu chuyển mạch (CPC 7523**)</p> <p>(c) Dịch vụ truyền số liệu chuyển mạch kênh (CPC 7523**)</p> <p>(d) Dịch vụ Telex (CPC 7523**)</p> <p>(e) Dịch vụ Telegraph (CPC 7523**)</p> <p>(f) Dịch vụ Facsimile (CPC 7521** + 7529**)</p> <p>(g) Dịch vụ thuê kênh riêng (CPC 7522** + 7523**)</p> <p>(o*) Các dịch vụ khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ hội nghị truyền hình (CPC 75292)</li> <li>- Dịch vụ truyền dẫn tín hiệu video trừ truyền quảng bá<sup>16</sup></li> <li>- Các dịch vụ thông tin vô tuyến, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dịch vụ thoại di động (gồm Di động mặt đất và vệ tinh)</li> <li>• Dịch vụ số liệu di động (gồm Di động mặt đất và vệ tinh)</li> <li>• Dịch vụ nhắn tin</li> </ul> </li> </ul>	<p>Dịch vụ phải được cung cấp thông qua thoả thuận thương mại với pháp nhân được thành lập tại Việt Nam và được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông quốc tế.</p> <p><i>Dịch vụ viễn thông vệ tinh:</i> Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải có thoả thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh quốc tế Việt Nam được cấp phép, trừ trường hợp dịch vụ viễn thông vệ tinh cung cấp cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khách hàng kinh doanh ngoài biển, các cơ quan chính phủ, các nhà cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, các đài phát thanh và truyền hình, các văn phòng đại diện chính thức của các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự, các khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất.</li> <li>- Các công ty đa quốc gia<sup>18</sup> đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất.</li> </ul> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p><i>Các dịch vụ không có hạ tầng mạng:</i> Cho phép liên doanh và tự do chọn đối</p>	<p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế</p>	<p>Với các tuyến cáp quang biển công- xooc-xi-om mà Việt Nam là một thành viên sở hữu, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài sẽ được phép kiểm soát dung lượng truyền dẫn cáp quang biển toàn chủ (chẳng hạn: quyền sử dụng không tách rời IRU hay dạng sở hữu công-xooc-xi-om) kết cuối tại một trạm cáp bờ được cấp phép tại Việt Nam, và cung cấp dung lượng đó cho các nhà cung cấp dịch vụ quốc tế có hạ tầng mạng được cấp phép tại Việt Nam và cho các nhà cung cấp dịch vụ VPN quốc tế và IXP quốc tế được cấp phép tại Việt Nam.</p>

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dịch vụ PCS</li> <li>• Dịch vụ trung kế vô tuyến</li> <li>- Dịch vụ kết nối Internet (IXP)<sup>17</sup></li> </ul>	<p>tác. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không vượt quá 65% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p><i>Các dịch vụ có hạ tầng mạng:</i> Cho phép liên doanh với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không vượt quá 49% vốn pháp định của liên doanh. 51% là nắm quyền kiểm soát trong việc quản lý liên doanh.</p> <p>Trong ngành viễn thông, các nhà đầu tư nước ngoài tham gia các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) sẽ có thể ký mới thỏa thuận hiện tại hoặc chuyển sang hình thức hiện diện khác với những điều kiện không kém thuận lợi hơn những điều kiện họ đang được hưởng.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	
<p>Dịch vụ viễn thông cơ bản (o*) Các dịch vụ viễn thông khác</p>	<p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ:</p>	<p>(1) Không hạn chế</p>	<p>Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản</p>

<sup>19</sup> Các dịch vụ, được cung cấp trên cơ sở thương mại, gồm thiết lập và quản lý một mạng dùng riêng trên mạng công cộng (mạng dùng chung) để thiết lập liên lạc thoại và số liệu trên cơ sở phi lợi nhuận giữa các thành viên của một nhóm sử dụng khép kín được xác định từ trước khi thiết lập VPN. Nhóm sử dụng khép kín đó có thể là các đơn vị trong một tập đoàn hoặc một tổ chức, hoặc một nhóm các pháp nhân có quan hệ liên kết với nhau để cùng thực hiện lợi ích/ mục tiêu chung. Các thành viên ban đầu của nhóm sử dụng khép kín dùng dịch vụ VPN đó phải được liệt kê trong một kế hoạch quay số hoặc định tuyến do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chịu sự giám sát. Các nhà cung cấp dịch vụ VPN phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền những thay đổi về thành viên ít nhất trước hai (2) tuần làm việc trước khi thực sự bắt đầu cung cấp dịch vụ thương mại và chỉ có thể bắt đầu cung cấp dịch vụ nếu trong hai (2) tuần đó không có sự phản đối của cơ quan có thẩm quyền. Các thành viên không được phép bán lại các dịch vụ VPN cho một bên thứ ba không liên quan. Các mạng VPN không được phép truyền/ chuyển tiếp lưu lượng của/ giữa các bên thứ ba không liên kết. Các dịch vụ VPN có thể được các nhà khai thác dịch vụ có vốn đầu tư nước ngoài cung cấp trong một gói cùng với dịch vụ truy nhập Internet và các dịch vụ giá trị gia tăng từ (h) đến (n).

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới 2) Tiêu dùng ở nước ngoài 3) Hiện diện thương mại 4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>- Dịch vụ mạng riêng ảo (VPN)<sup>19</sup></p>	<p><i>Dịch vụ hữu tuyến và di động mặt đất:</i>                      Dịch vụ phải được cung cấp thông qua thoả thuận thương mại với pháp nhân được thành lập tại Việt Nam và được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông quốc tế.</p> <p><i>Dịch vụ viễn thông vệ tinh:</i> Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải có thoả thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh quốc tế Việt Nam được cấp phép, trừ trường hợp dịch vụ viễn thông vệ tinh cung cấp cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khách hàng kinh doanh ngoài biển, các cơ quan chính phủ, các nhà cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, các đài phát thanh và truyền hình, các văn phòng đại diện chính thức của các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự, các khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất;</li> <li>- Các công ty đa quốc gia<sup>18</sup> đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất.</li> </ul> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ</p> <p><i>Các dịch vụ không có hạ tầng mạng:</i>                      Cho phép liên doanh và tự do chọn đối tác. Phần vốn góp của phía nước ngoài</p>	<p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế</p>	<p>tham chiếu gửi kèm theo.</p> <p>Với các tuyến cáp quang biển công-xooc-xi-om mà Việt Nam là một thành viên sở hữu, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài sẽ được phép kiểm soát dung lượng truyền dẫn cáp quang biển toàn chủ (nghĩa là quyền sử dụng không tách rời IRU hay dạng sở hữu công-xooc-xi-om) kết cuối tại một trạm cáp bờ được cấp phép tại Việt Nam, và cung cấp dung lượng đó cho các nhà cung cấp dịch vụ quốc tế có hạ tầng mạng được cấp phép tại Việt Nam và cho các nhà cung cấp dịch vụ VPN quốc tế và IXP quốc tế được cấp phép tại Việt Nam.</p>

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>trong liên doanh không được vượt quá 70% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p><i>Các dịch vụ có hạ tầng mạng:</i> Cho phép liên doanh với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không được vượt quá 49% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	

<p>Các dịch vụ giá trị gia tăng</p> <p>(h) Thư điện tử (CPC 7523 **)</p> <p>(i) Thư thoại (CPC 7523 **)</p> <p>(j) Thông tin trực tuyến và truy cập lấy thông tin từ cơ sở dữ liệu (CPC 7523**)</p> <p>(k) Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) (CPC 7523**)</p> <p>(l) Các dịch vụ facsimile gia tăng giá trị, bao gồm lưu trữ và chuyển, lưu trữ và khôi phục (CPC 7523**)</p> <p>(m) Chuyển đổi mã và giao thức</p> <p>(n) Thông tin trực tuyến và xử lý dữ</p>	<p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p><i>Dịch vụ hữu tuyến và di động mặt đất:</i> Dịch vụ phải được cung cấp thông qua thoả thuận thương mại với pháp nhân được thành lập tại Việt Nam và được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông quốc tế.</p> <p><i>Dịch vụ viễn thông vệ tinh:</i> Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải có thoả thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh quốc tế Việt Nam được cấp phép, trừ trường hợp dịch vụ viễn thông vệ tinh cung cấp cho:</p> <p>- Các khách hàng kinh doanh ngoài biển, các cơ quan chính phủ, các nhà cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, các đài phát thanh và truyền hình, các văn phòng đại diện chính thức của các tổ</p>	<p>(1) Không hạn chế</p>	<p>Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản tham chiếu gửi kèm theo.</p>
--	---	--------------------------	---



**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>liệu (bao gồm xử lý giao dịch) (CPC 843**)</p>	<p>chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự, các khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất;</p> <p>- Các công ty đa quốc gia<sup>18</sup> đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất.</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ :</p> <p><i>Các dịch vụ không có hạ tầng mạng:</i> Cho phép hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không được vượt quá 65% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p><i>Các dịch vụ có hạ tầng mạng:</i> Cho phép hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không được vượt quá 50% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p>51% là nắm quyền kiểm soát trong việc quản lý liên doanh.</p> <p>Trong ngành viễn thông, các nhà đầu tư nước ngoài tham gia các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) sẽ có thể ký mới thỏa thuận hiện tại hoặc chuyển sang hình thức</p>	<p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế</p>	

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>hiện diện khác với những điều kiện không kém thuận lợi hơn những điều kiện họ đang được hưởng.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p>	<p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p>	
<p>Các dịch vụ giá trị gia tăng</p> <p>(o) Dịch vụ khác</p> <p>- Dịch vụ Truy nhập Internet IAS<sup>20</sup></p>	<p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p><i>Dịch vụ hữu tuyến và di động mặt đất:</i>                      Dịch vụ phải được cung cấp thông qua thoả thuận thương mại với pháp nhân được thành lập tại Việt Nam và được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông quốc tế.</p> <p><i>Dịch vụ viễn thông vệ tinh:</i> Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải có thoả thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh quốc tế Việt Nam được cấp phép, trừ trường hợp dịch vụ viễn thông vệ tinh cung cấp cho:</p> <p>- Các khách hàng kinh doanh ngoài biển, các cơ quan chính phủ, các nhà cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, các đài phát thanh và truyền hình, các văn phòng đại diện chính thức của các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự, các khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao đã được cấp</p>	<p>(1) Không hạn chế</p>	<p>Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản tham chiếu gửi kèm theo.</p>

<sup>20</sup> Các dịch vụ cung cấp truy nhập Internet cho các khách hàng đầu cuối.

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất; - Các công ty đa quốc gia<sup>18</sup> đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất.</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) <i>Các dịch vụ không có hạ tầng mạng:</i>  Cho phép liên doanh với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không được vượt quá 65% vốn pháp định của liên doanh.  <i>Các dịch vụ có hạ tầng mạng:</i> Cho phép liên doanh với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không được vượt quá 50% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	

**D. Dịch vụ nghe nhìn**

Đối với dịch vụ sản xuất, phát hành và chiếu phim, tất cả các phim phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam kiểm duyệt nội dung.

(a) Dịch vụ sản xuất phim (CPC 96112, trừ băng hình)	<p>(1) Chưa cam kết</p> <p>(2) Chưa cam kết</p> <p>(3) Chỉ dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam đã được phép cung cấp các dịch vụ</p>	<p>(1) Chưa cam kết</p> <p>(2) Chưa cam kết</p> <p>(3) Không hạn chế.</p>	
--	--	---	--

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	<p>này tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	
<p>Dịch vụ phát hành phim (CPC 96113, trừ băng hình)</p>	<p>(1) Chưa cam kết</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Chỉ dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam đã được phép cung cấp các dịch vụ này tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(1) Chưa cam kết</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	
<p>(b) Dịch vụ chiếu phim (CPC 96121)</p>	<p>(1) Chưa cam kết</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Chỉ dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam đã được phép cung cấp các dịch vụ này tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p>Các nhà văn hoá, các tụ điểm chiếu phim, câu lạc bộ và hiệp hội chiếu phim công</p>	<p>(1) Chưa cam kết</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế.</p>	

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
	cộng, các đội chiếu bóng lưu động của Việt Nam không được phép tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hay liên doanh với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.  (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
Dịch vụ ghi âm	(1) Chưa cam kết (2) Không hạn chế (3) Chưa cam kết (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Chưa cam kết (2) Không hạn chế (3) Chưa cam kết (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	

**3. DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT LIÊN QUAN**

A. Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC 512)	(1) Chưa cam kết *	(1) Chưa cam kết *	
B. Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513)	(2) Không hạn chế	(2) Không hạn chế	
C. Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516)	(3) Không hạn chế, ngoại trừ: Doanh nghiệp nước ngoài phải là pháp nhân của một Bên khác.	(3) Không hạn chế, ngoại trừ trường chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam	
D. Công tác hoàn thiện công trình nhà cao tầng (CPC 517)	Cho phép thành lập chi nhánh.		
E. Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518)	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	

\* Do thiếu tính khả thi về mặt kỹ thuật.



**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới 2) Tiêu dùng ở nước ngoài 3) Hiện diện thương mại 4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
-----------------------	-----------------------------	-------------------------	-----------------

**4. DỊCH VỤ PHÂN PHỐI**

Các biện pháp áp dụng cho toàn bộ các phân ngành trong dịch vụ phân phối:

Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm<sup>21</sup>, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết.

A. Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621, 61111, 6113, 6121)	(1) Chưa cam kết, ngoại trừ không hạn chế đối với:	(1) Chưa cam kết, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại phương thức 1, cột tiếp cận thị trường	
B. Dịch vụ bán buôn (CPC 622, 61111, 6113, 6121)	- phân phối các sản phẩm phục vụ nhu cầu cá nhân; - phân phối các chương trình phần mềm		
C. Dịch vụ bán lẻ (CPC 631 + 632, 61112, 6113, 6121) <sup>22</sup>	máy tính hợp pháp phục vụ nhu cầu cá nhân hoặc vì mục đích thương mại.		
	(2) Không hạn chế	(2) Không hạn chế	
	(3) Không hạn chế, ngoại trừ:	(3) Không hạn chế	
	Công ty có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực phân phối sẽ được phép cung cấp dịch vụ đại lý hoa hồng, bán buôn và bán lẻ tất cả các sản phẩm sản xuất tại Việt Nam và nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam Việc thành lập các cơ sở bán lẻ (ngoài cơ sở thứ nhất) sẽ được xem xét trên cơ sở kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) <sup>23</sup>		

<sup>21</sup> Trong biểu cam kết này, “dược phẩm” không bao gồm các sản phẩm bổ dưỡng phi dược phẩm dưới dạng viên nén, viên con nhộng hoặc bột.

<sup>22</sup> Để làm rõ nội dung cam kết, cam kết này bao gồm cả hoạt động bán hàng đa cấp do các đại lý hoa hồng là cá nhân Việt Nam đã được đào tạo và cấp chứng chỉ phù hợp tiến hành. Các cá nhân này không thực hiện bán hàng tại các địa điểm cố định và nhận thù lao cho cả hoạt động bán hàng lẫn dịch vụ hỗ trợ bán hàng để góp phần làm tăng doanh số bán hàng của các nhà phân phối khác.

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới      2) Tiêu dùng ở nước ngoài      3) Hiện diện thương mại      4) Hiện diện của thể nhân

<b>Ngành hoặc Phân ngành</b>	<b>Hạn chế Tiếp cận thị trường</b>	<b>Hạn chế Đối xử quốc gia</b>	<b>Cam kết bổ sung</b>
	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
D. Dịch vụ nhượng quyền thương mại (CPC 8929)	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế; Cho phép thành lập chi nhánh. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Không hạn chế (2) Không hạn chế (3) Không hạn chế, ngoại trừ trường chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	

**5. DỊCH VỤ GIÁO DỤC**

Chỉ cam kết các lĩnh vực kỹ thuật, khoa học tự nhiên và công nghệ, quản trị kinh doanh và khoa học kinh doanh, kinh tế học, kế toán, luật quốc tế và đào tạo ngôn ngữ. Đối với các phân ngành C, D và E dưới đây: Chương trình đào tạo phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam phê chuẩn.

B. Dịch vụ giáo dục phổ thông cơ sở (CPC 922)	(1) Chưa cam kết (2) Không hạn chế (3) Chưa cam kết (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(1) Chưa cam kết (2) Không hạn chế (3) Chưa cam kết (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	
C. Giáo dục bậc cao (CPC 923)	(1) Chưa cam kết	(1) Chưa cam kết	

<sup>23</sup> Việc xin phép thành lập nhiều hơn một cơ sở bán lẻ phải tuân thủ quy trình đã có và được công bố công khai và việc cấp phép phải dựa trên các tiêu chí khách quan. Các tiêu chí chính để kiểm tra nhu cầu kinh tế là số lượng các nhà cung cấp dịch vụ đang hiện diện trong một khu vực địa lý, sự ổn định của thị trường và và quy mô địa lý.

**VIỆT NAM-BIỆU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới; 2) Tiêu dùng ở nước ngoài 3) Hiện diện thương mại 4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
D. Giáo dục cho người lớn (CPC 924)	(2) Không hạn chế	(2) Không hạn chế	
E. Các dịch vụ giáo dục khác (CPC 929 bao gồm đào tạo ngoại ngữ )	(3) Không hạn chế	(3) Giáo viên nước ngoài làm việc tại các cơ sở đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài phải có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm giảng dạy và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam công nhận về chuyên môn	
	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	

**6. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG**

Vì lý do an ninh quốc gia, việc tiếp cận một số khu vực địa lý có thể bị hạn chế<sup>24</sup>.

A. Dịch vụ xử lý nước thải (CPC 9401)	(1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ tư vấn có liên quan	(1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ tư vấn có liên quan	Các công ty nước ngoài được phép tham gia kinh doanh ở Việt Nam dưới hình thức Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT) và Xây dựng-Chuyển giao-Vận hành (BTO).
	(2) Không hạn chế	(2) Không hạn chế	
	(3) Không hạn chế, ngoại trừ:  Khẳng định rằng các dịch vụ được cung cấp để thực thi quyền hạn của Chính phủ như được quy định tại Điều Điều I:3(c) có thể được giao cho các công ty độc quyền công hoặc dành đặc quyền cho các nhà khai thác tư nhân.	(3) Không hạn chế	
	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	

<sup>24</sup> Để làm rõ hơn nội dung cam kết, cam kết này cho phép duy trì hoặc áp dụng các hạn chế vì mục tiêu an ninh quốc gia, có thể biện minh được theo Điều XIV và XIV bis của GATS.

**VIỆT NAM-BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ**

**Gói cam kết thứ nhất thuộc Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN-Ấn Độ**

Phương thức cung cấp: 1) Cung cấp qua biên giới 2) Tiêu dùng ở nước ngoài 3) Hiện diện thương mại 4) Hiện diện của thể nhân

Ngành hoặc Phân ngành	Hạn chế Tiếp cận thị trường	Hạn chế Đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>B. Dịch vụ xử lý rác thải (CPC 9402)<sup>25</sup></p>	<p>(1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ tư vấn có liên quan</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p>Khẳng định rằng các dịch vụ được cung cấp để thực thi quyền hạn của Chính phủ như được quy định tại Điều I:3(c) có thể được giao cho các công ty độc quyền công hoặc dành đặc quyền cho các nhà khai thác tư nhân;</p> <p>Để bảo đảm phúc lợi công cộng, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài không được thu gom rác trực tiếp từ các hộ gia đình. Họ chỉ được phép cung cấp dịch vụ tại các điểm thu gom rác thải do chính quyền địa phương cấp tỉnh và thành phố chỉ định.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>(1) Không hạn chế</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung</p>	<p>Các công ty nước ngoài được phép tham gia kinh doanh ở Việt Nam dưới hình thức Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT) và Xây dựng-Chuyển giao-Vận hành (BTO).</p>
<p>D. Dịch vụ khác</p> <p>- Dịch vụ làm sạch khí thải (CPC 94040) và dịch vụ xử lý tiếng ồn (CPC 94050).</p>	<p>(1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ tư vấn có liên quan</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p>	<p>(1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ tư vấn có liên quan</p> <p>(2) Không hạn chế</p> <p>(3) Không hạn chế</p>	

<sup>25</sup> Theo luật, việc nhập khẩu chất thải là bị cấm. Việc xử lý và thải bỏ chất thải độc hại được pháp luật điều chỉnh.

### 3. Dịch vụ phổ cập

Việt Nam có quyền xác định ra nghĩa vụ cung cấp dịch vụ phổ cập mà mình muốn duy trì. Các nghĩa vụ như vậy tự chúng không bị coi là phi cạnh tranh, với điều kiện chúng được quản lý một cách minh bạch, không phân biệt đối xử, trung lập về cạnh tranh và không được phiền hà hơn mức cần thiết mà Thành viên đó đã xác định đối với dịch vụ phổ cập.

### 4. Công bố công khai các tiêu chí cấp phép

Nếu có yêu cầu về cấp phép, những thông tin sau cần được công bố công khai:

- (a) mọi tiêu chí cấp phép và khoảng thời gian thông thường cần thiết để thụ lý hồ sơ cấp phép; và
- (b) các điều khoản, điều kiện đối với từng giấy phép cụ thể.

Các lý do từ chối cấp phép cần được báo cho bên nộp hồ sơ xin cấp phép nếu có yêu cầu.

### 5. Các cơ quan quản lý nhà nước độc lập

Cơ quan quản lý nhà nước phải là đơn vị tách riêng và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ một nhà cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản nào. Các quyết định và quy trình thủ tục mà các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng phải khách quan đối với tất cả các đối tượng tham gia vào thị trường.

### 6. Phân bổ và sử dụng các nguồn quý hiếm

Bất kỳ quy trình thủ tục nào áp dụng cho việc phân bổ và sử dụng các nguồn quý hiếm, bao gồm tần số vô tuyến, kho số và các quyền đi dây (right of way), đều phải được tiến hành một cách khách quan, kịp thời, minh bạch và không phân biệt đối xử. Hiện trạng phân bổ các băng tần vô tuyến phải được công bố công khai, tuy nhiên chi tiết về các tần số phân bổ cho mục đích sử dụng đặc biệt của chính phủ thì không cần thiết phải công bố.